

**NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA EU TRÊN
CON ĐƯỜNG TIẾN TỚI NHẤT THỂ HÓA**

Sinh viên thực hiện: Lê Trà My

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

BRIC Brazil, Russia, India, China	Các nền kinh tế mới nổi
CEECs Center and East European Countries	Các nước Trung và Đông Âu
EC European Community	Cộng đồng Châu Âu
ECB European Central Bank	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
ECSC European Coal and Steel Community	Cộng đồng Than – Thép Châu Âu
EFSF European Financial Stability Facility	Quỹ Bình ổn Tài chính Châu Âu
EEC European Economic Community	Cộng đồng Kinh tế Châu Âu
EP European Parliament	Nghị viện Châu Âu
EU European Union	Liên minh Châu Âu
EURATOM Europeam Atomic Energy Community	Cộng đồng Nguyên tử Châu Âu
Eurozone	Khu vực Đồng tiền Chung Châu Âu
GATT	Hiệp ước Chung về Thuế quan và Mậu dịch
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
NATO	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
PIIGS	Nhóm 5 nền kinh tế châu Âu đang hứng chịu khủng hoảng nợ công
RRF	Lực lượng phản ứng nhanh
SNG	Cộng đồng các quốc gia độc lập
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

Sau gần 60 năm hình thành và phát triển, Liên minh Châu Âu nổi lên như một mô hình kiểu mẫu về hội nhập khu vực ở mức độ cao, không chỉ trên lĩnh vực kinh tế mà còn cả phương diện chính trị.

Những thành tựu mà EU đạt được trong thời gian qua đã đánh dấu những nỗ lực không ngừng nghỉ của các thể hệ lãnh đạo Châu Âu nhằm tiến tới mục tiêu nhất thể hóa. Với hàng loạt các Hiệp ước được thông qua, Châu Âu trở thành một khối có độ thống nhất cao về mặt kinh tế, với việc xây dựng được một thị trường chung rộng lớn, có điều kiện tự do thương mại, tự do hàng hóa, tự do lao động, tự do lưu chuyển vốn và sử dụng đồng tiền chung Euro. Không những vậy, EU còn tiến những bước cao hơn trong quá trình nhất thể hóa về phương diện chính trị. Từ đó, Liên minh có tầm ảnh hưởng tới không chỉ các quốc gia thành viên, mà còn đóng góp tiếng nói trên trường quốc tế. Tuy nhiên, những thành tựu đó đang đứng trước nguy cơ đổ vỡ do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế 2008 – 2009 và cuộc khủng hoảng công ở Châu Âu. Hai cuộc khủng hoảng này đã làm bộc lộ tất cả những yếu kém của khu vực này. Thực chất, các vấn đề mà EU đang đối mặt hiện nay đều nảy sinh chính từ quá trình nhất thể hóa của mình. Khó khăn kinh tế chồng chất của các quốc gia thành viên, buộc EU phải xoay sở để giải quyết vấn đề. Nhưng giải quyết vấn đề này thì vấn đề khác lại tiếp tục nảy sinh. Và đây được coi là thời điểm khó khăn nhất đối với Liên minh Châu Âu sau hơn nửa thế kỷ tồn tại.

Việc nghiên cứu những vấn đề của EU trên con đường tiến tới nhất thể hóa có ý nghĩa thực tiễn không chỉ riêng với các quốc gia trong khối này mà còn đem lại nhiều bài học thiết thực cho các nhóm quốc gia khác có chung tham vọng xây dựng một khu vực có tính liên kết cao. Xung quanh vấn đề này đã có nhiều bài viết và công trình nghiên cứu cụ thể của các học giả trong và ngoài nước dưới nhiều cách tiếp cận và đánh giá khác nhau. Với mong muốn góp một phần kiến thức vào quá trình nghiên cứu, mục tiêu của bài khóa luận là tập

trung tìm hiểu và làm rõ các vấn đề đang cản trở tiến trình nhất thể hóa của Liên minh Châu Âu, bên cạnh đó là chỉ ra các biện pháp của EU nhằm ứng phó với các thách thức đang đặt ra và khả năng giải quyết các vấn đề đó trong tương lai.

Trong khuôn khổ khóa luận tốt nghiệp, bài viết không phân tích mọi vấn đề mà EU gặp phải trên con đường tiến tới nhất thể hóa, mà chỉ tập trung đi sâu vào những mâu thuẫn, khó khăn cơ bản trong lòng Châu Âu mà thôi.

Nhiệm vụ của bài viết là làm sáng rõ một số vấn đề chính của Liên minh Châu Âu như sau:

Thứ nhất, phân tích vấn đề chênh lệch trình độ phát triển giữa các thành viên trong EU. Trong đó chỉ ra thực trạng chênh lệch, phân tích nguyên nhân và đánh giá tác động của nó đến quá trình nhất thể hóa của Châu Âu.

Thứ hai, phân tích mâu thuẫn giữa chủ quyền và bản sắc của các quốc gia với quá trình nhất thể hóa, cũng như những mâu thuẫn giữa những ý tưởng thống nhất Châu Âu và những hành động hiện thực hóa ý tưởng đó.

Thứ ba, chỉ ra những hệ quả tất yếu mà các vấn đề này gây nên. Trong đó tập trung đi sâu phân tích về khủng hoảng nợ công và xung đột tôn giáo, sắc tộc trong khu vực Châu Âu.

Thứ tư, đưa ra và phân tích những tác động của việc mở rộng về phía đông của Châu Âu tới quan hệ EU – Nga và EU – Mỹ.

Về phương pháp nghiên cứu, khóa luận có sử dụng các phương pháp phân tích – tổng hợp, đối chiếu – so sánh, logic kết hợp với cách tiếp cận biện chứng lịch sử để giải thích cho các luận điểm và lập luận.

Trên cơ sở đó, ngoài phần Mở đầu và Kết luận, bài viết được bố cục gồm 3 chương:

Chương I: Khái quát chung về ý tưởng thống nhất Châu Âu và lộ trình nhất thể hóa của Châu Âu. Từ đó, chỉ ra quá trình mà các nhà lãnh đạo thực hiện ý tưởng nhất thể hóa của mình thông qua các Hiệp ước quan trọng, đánh dấu bước phát triển của Liên minh.

Chương II: Tập trung đi sâu phân tích những vấn đề nảy sinh trong quá trình tiến tới nhất thể hóa của Châu Âu; nêu lên thực trạng, nguyên nhân và những hệ quả tất yếu mà những vấn đề này gây nên.

Chương III: Phân tích những biện pháp giải quyết vấn đề của EU và triển vọng giải quyết triệt để các vấn đề đó.

Trong khi phân tích, bài viết sẽ rút ra những nhận xét, đánh giá về các vấn đề; thái độ và cách thức phản ứng của các thành viên chủ chốt trong Liên minh Châu Âu; cũng như những hành động giải quyết vấn đề của EU trong hiện tại và tương lai.

Do hạn chế về thời gian, thiếu sót về kinh nghiệm nghiên cứu cũng như giới hạn về mặt kiến thức và tài liệu, bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự nhận xét, góp ý của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên có cùng quan tâm tới chủ đề này.

Em xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG I: LỘ TRÌNH NHẤT THỂ HÓA CỦA EU

Trên thực tế, ý tưởng về một Châu Âu thống nhất đã manh nha từ những giai đoạn đầu tiên trong lịch sử của châu lục này. Các nhà lãnh đạo trước đây cũng từng đưa ra những học thuyết về việc xây dựng một Châu Âu thống nhất và hòa bình. Không chỉ vậy, trong lịch sử đã chứng kiến sự ra đời của những đế chế rộng lớn ở Châu Âu và các nhà lãnh đạo đã thực thi nhiều chính sách thống nhất trong khuôn khổ đế chế đó. Nhưng những bài học trong lịch sử cho ta thấy, việc thống nhất một châu lục không phải là công việc đơn giản, một sớm một chiều, mà nó đòi hỏi một quá trình tích lũy ý thức, một thời điểm lịch sử phù hợp để các quốc gia xích lại gần nhau và chung vai xây dựng một thể chế thống nhất.

1. Ý tưởng về một Châu Âu thống nhất

1.1. Những thử nghiệm trong lịch sử

Ý tưởng về một Châu Âu thống nhất và hòa bình có một lịch sử lâu dài trước khi được hiện thực hóa thành công giữa thế kỷ XX. Các thế hệ lãnh đạo của Châu Âu chưa từng bỏ ngỏ ý tưởng này, ngược lại họ luôn nỗ lực không ngừng nghỉ để đưa ý tưởng đó vào thực tiễn.

Thời kì La Mã đánh dấu những nỗ lực đầu tiên trong việc hợp nhất các vùng lãnh thổ Châu Âu và các khu vực lân cận Địa Trung Hải. Năm 117 sau Công nguyên, Đế chế La Mã làm chủ một vùng đất rộng lớn.¹ Nhưng với những hạn chế về năng lực quản lý, đế chế này không thực sự làm chủ được toàn bộ vùng đất của mình, cũng như chưa có một chính sách phát triển hợp lý. Ý tưởng đầu tiên chỉ dừng lại ở những cuộc chinh phạt liên miên để “nới” rộng biên giới của đế chế La Mã.

Mãi cho tới Đế chế Charlemagne dưới sự trị vì của vị vua dòng họ Franks (năm 800 sau công nguyên), một đế chế thống nhất và hòa bình thực sự mới

¹ Vùng đất này trải dài từ phía Nam nước Anh, tràn qua Pháp, Trung và Nam Đức, toàn bộ khu vực Nam Âu. Vùng đất này còn kéo dài đến Biển Đen, chiếm trọn vùng Bắc Phi ngày nay.

được hình thành ở Châu Âu. Đế chế này không rộng lớn như đế chế của người La Mã. Nhưng thành tựu mà nó đạt được lại mang ý nghĩa lịch sử to lớn. Nếu như trong vùng đất người La Mã, chiến tranh xảy ra liên miên, thì trong thời kì trị vì của vua Franks, không hề có một cuộc chiến nào nổ ra trong lòng của đế chế Charlemagne. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Châu Âu hình thái của một nhóm nước thực sự hình thành dưới cái tên “Sự tái sinh của Đế chế La Mã”².

Sau này, các nhà lãnh đạo khác cũng theo đuổi ý tưởng này dưới nhiều cách thức khác nhau. Một phương thức thường thấy trong lịch sử quốc tế đó là sử dụng bạo lực: trường hợp Napoleon chinh phục Tây Âu bằng các cuộc chiến tranh là một ví dụ điển hình. Nhiều học giả cho rằng “Napoleon là cha đẻ của Châu Âu”³ bởi trong quá trình xây dựng đế chế của mình, ông để lại rất nhiều di sản làm nền tảng cho luật pháp EU sau này, như luật liên bang, ý tưởng về thị trường chung, luật nhân quyền...



Bản đồ lãnh thổ Đế chế Roman (117 A.D), Đế chế Charlemagne (814), Đế chế Napoleon (1812) và EU (2004) - Nguồn: *The Economist*.

² [30]

³ [39]

Chiến tranh Thế giới thứ nhất nổ ra với bối cảnh một châu Âu bị chia rẽ do sự phát triển không đồng đều giữa các nước đế quốc, đã đẩy châu lục này rơi vào tình trạng kiệt quệ. Đến lúc này các quốc gia trong Châu Âu phần nào ý thức được sự tàn khốc của chiến tranh. Do đó, trong khoảng giữa Thế chiến thứ nhất và thứ hai, rất nhiều ý tưởng thống nhất Châu Âu được hình thành. Tuy nhiên, tất cả đều không gặt hái được thành công.

Có thể thấy rằng, trong suốt chiều dài lịch sử của Châu Âu, có rất nhiều nhà lãnh đạo mong muốn hợp nhất các quốc gia để tiến tới xây dựng một khu vực thống nhất và hòa bình, tạo tiền đề cho sự phát triển cực thịnh của châu lục. Nhưng không một ý tưởng nào được hiện thực thành công. Có hai lý do giải thích cho sự thất bại này. Thứ nhất, các nhà lãnh đạo Châu Âu đều tham vọng quá mức và thực thi những chính sách không hợp lý như sử dụng vũ lực, lợi dụng tôn giáo,... hoặc rơi vào trạng thái dàn trải quyền lực dẫn tới quản lý không hiệu quả. Thứ hai, thực chất chưa nhà lãnh đạo nào ý thức sâu sắc về những lợi ích do sự thống nhất và hòa bình ở Châu Âu có thể đem lại. Hay nói cách khác, họ chưa có một động lực rõ ràng nào để buộc phải “gắn” lợi ích của quốc gia mình đối với các quốc gia khác trong châu lục.

1.2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Sự tàn khốc của Chiến tranh thế giới thứ hai và cục diện thế giới sau đó, đã đặt các nhà lãnh đạo Châu Âu vào một tình thế chưa từng có tiền lệ.

Chiến tranh đã để lại cho Châu Âu một đống hoang tàn. Cả phe chiến thắng lẫn kẻ chiến bại đều chịu những tổn thất nặng nề, kiệt quệ về kinh tế suy yếu về chính trị và quân sự. Mâu thuẫn Pháp – Đức vẫn luôn thường trực, “mầm mống của một cuộc chiến tranh mới vẫn âm ỉ”.⁴

Một cục diện thế giới mới thay thế hệ thống Versailles – Washington tồn tại sau Thế chiến thứ nhất. Hệ thống hai cực Yalta hình thành và Chiến tranh

⁴ [13;17]

Lạnh nỏ ra. Châu Âu bị chia cắt bởi Bức tường Berlin – vô hình chung biến bức tường này thành “biên giới” giữa hai hệ tư tưởng đối lập nhau: Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa. Ảnh hưởng của Liên Xô ngày một lan rộng, nhất là sau khi Khối Đông Âu được thành lập và chủ nghĩa cộng sản có khuynh hướng mở rộng.

Tây Âu lúc này tồn tại rất nhiều bất ổn. Bất ổn xuất phát từ chính các quốc gia Tây Âu (ở đây là Đức và Pháp) và bất ổn từ Đông Âu và Liên Xô. Các nhà lãnh đạo Tây Âu lúc này rơi vào “điểm nút” của lịch sử. Tây Âu không thể đối chọi với nhóm các nước XHCN khi vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn nội bộ. Họ buộc phải đưa ra quyết định cần phải thống nhất và phát triển hòa bình, thay vì chĩa mũi súng vào nhau.

Trên tinh thần đó và dưới sự trợ giúp của Mỹ, tại Tây Âu hình thành một loạt các tổ chức như GATT⁵, hệ thống tiền tệ Bretton Woods⁶, NATO⁷... nhằm tạo đà phục hồi cho Châu Âu trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và quân sự. Tuy nhiên, việc thiết lập và tham gia các tổ chức trên không giải quyết tận gốc những vấn đề nội tại của Châu Âu. Các quốc gia Tây Âu vẫn nghi kỵ lẫn nhau nên vai trò của các tổ chức này không phát huy tác dụng với tiến trình nhất thể hóa Châu Âu.

Trong khi đó, một số nhà lãnh đạo tìm đến những giải pháp độc lập hơn – theo tiêu chí liên kết các quốc gia trong khu vực mà không cần tới sự can thiệp của nước ngoài. Thủ tướng Anh Churchill đã “phác thảo” kế hoạch xây dựng một “Gia đình Châu Âu”⁸ nhằm mục đích kiềm chế mâu thuẫn Đức – Pháp và

⁵ Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, các quốc gia thiết lập những định chế chung về kinh tế nhằm tái thiết sản xuất, do đó một tổ chức chung về thương mại ra đời với tên gọi Tổ chức Thương mại Quốc tế (ITO). Trong đó GATT là Hiệp định chung về thuế quan và thương mại được xây dựng trên nền tảng của hiến chương ITO.

⁶ Hệ thống Bretton Woods ra đời năm 1944, nhằm thống nhất một tỷ giá cố định cho các đồng tiền chính và cho phép ngân hàng trung ương can thiệp vào thị trường tiền tệ.

⁷ NATO – Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương – khối quân sự lớn nhất của các nước phương Tây từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, được thành lập năm 1949.

⁸ [20;37]

ngăn chặn chiến tranh giữa hai quốc gia này (do vùng Alsace và Lorraine sau thế chiến thứ hai đã về tay người Pháp).

Ngoại trưởng Pháp Robert Schuman và nhà kinh tế Jean Monnet đưa ra bản kế hoạch hợp tác kinh tế, mở đầu cho tiến trình liên kết ở Châu Âu vào năm 1950. Trong đó nhấn mạnh “đặt toàn bộ việc sản xuất than, thép của Đức và Pháp dưới một cơ quan quyền lực tối cao chung trong một tổ chức mở cửa cho tất cả các nhà nước Châu Âu khác tham gia”.⁹ Nền tảng phát triển Châu Âu sẽ dựa trên cơ sở hợp nhất quan hệ kinh tế giữa các quốc gia. Ý tưởng của Ngoại trưởng Schuman ngay lập tức nhận được sự ủng hộ của các quốc gia Tây Âu.

Đây được coi là dấu mốc cho sự ra đời của tổ chức tiền thân của Liên minh Châu Âu. Lần đầu tiên trong lịch sử Châu Âu tồn tại một thể chế quản lí chung với mục đích sử dụng liên kết kinh tế để gắn kết lợi ích các quốc gia với nhau, ngăn ngừa khả năng nổ ra chiến tranh trong tương lai. Đồng thời, việc tạo lập các thiết chế hợp tác ở một lĩnh vực nhỏ sẽ tạo tiền đề cho sự hợp tác ở mức độ cao hơn, rộng hơn, từ kinh tế đến chính trị, từ một lĩnh vực đến hợp tác toàn diện.

2. Những bước đi ban đầu (từ Cộng đồng Than – Thép đến Cộng đồng Châu Âu)

Hiệp ước Paris - 1951

Theo lời đề nghị của Ngoại trưởng Pháp, vào tháng 4 năm 1951, sáu nước Tây Âu, bao gồm Pháp, Đức, Ý, Luxembourg, Hà Lan và Bỉ đã nhóm họp để cùng thông qua bản Hiệp ước Paris. Qua đó, nhất trí thành lập Cộng đồng Than và Thép (ECSC), với mục đích tạo lập một thị trường than – thép chung và tự do, giá trị thị trường thả nổi và không có thuế xuất nhập khẩu cũng như trợ giá.¹⁰ Cộng đồng Than – Thép được đặt dưới sự giám sát của một cơ quan có thẩm quyền cao cấp, tiền thân của những tổ chức có quyền lực cao hơn quốc gia

⁹ [22;78]

¹⁰ [13;18]

sau này của EU. Bên cạnh đó, ECSC cũng có một Hội đồng Bộ trưởng, một Đại hội đồng và một Tòa án riêng. Về bản chất, kế hoạch này không đơn thuần chỉ là một hiệp định kinh tế mà nó xuất phát từ mục đích chính trị của nước Pháp khi muốn kiểm soát sức mạnh của Đức, để quốc gia này không bao giờ có thể uy hiếp Pháp như trong quá khứ. Và Pháp đã dùng “sợi dây kinh tế” để buộc chặt lợi ích của Đức và các quốc gia khác (Ý và ba quốc gia Benelux) với nhau để giảm thiểu nguy cơ xung đột chính trị.

Hiệp ước Roma - 1957

Tới năm 1957, sáu nước này tiếp tục ký Hiệp ước Roma thành lập Cộng đồng Nguyên tử (EURATOM) và Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC). Trong đó, EURATOM là một tổ chức liên kết giữa các quốc gia trong lĩnh vực nghiên cứu kỹ thuật sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và đảm bảo phổ biến những thông tin trong lĩnh vực này; xây dựng những tiêu chuẩn an toàn thống nhất để đảm bảo an toàn cho cộng đồng... Hiệp ước thiết lập Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC) kêu gọi tăng trưởng kinh tế cân bằng thông qua việc thiết lập một liên minh thuế quan với thuế xuất nội địa chung, các chính sách về nông nghiệp, vận tải và thương mại; mở rộng cộng đồng tới các nước Châu Âu khác. Kết quả của nhóm các Hiệp ước Roma tạo nên một khu vực thị trường chung, cải tổ các điều kiện buôn bán và chế tạo sản xuất chung trên lãnh thổ của những quốc gia thành viên, xây dựng tiền đề cho sự thống nhất về kinh tế và chính trị của Châu Âu sau này.

Hiệp ước Bruxelles - 1965

Tính đến thời điểm ký kết Hiệp ước Roma, ở Châu Âu tồn tại ba thể chế, bao gồm: Cộng đồng Than – Thép, Cộng đồng Nguyên tử và Cộng đồng Kinh tế Châu Âu. Thực tế, ba thể chế này chưa đem lại hiệu quả cao trong hợp tác giữa các nước, do đó một Hiệp ước mới – Hiệp ước Bruxelles ra đời nhằm hợp nhất ba thể chế này thành một hội đồng duy nhất, Cộng đồng Châu Âu (EC). Hiệp ước này được xem như bước khởi đầu thực sự cho mô hình của Liên minh Châu Âu ngày nay.

Đến năm 1973 đánh dấu lần mở rộng đầu tiên của EC. Lần mở rộng này gồm ba thành viên là Anh, Ireland và Đan Mạch¹¹. Đợt mở rộng tiếp theo diễn ra năm 1981 với duy nhất một thành viên mới đó là Hy Lạp. Không lâu sau khi trở thành thành viên chính thức, nền kinh tế của quốc gia này đạt được những thành công nhất định. Năm 1986, số thành viên của EC chính thức tăng lên con số 13 với sự gia nhập của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Con số 13 nước thành viên và những hiệp ước mà các quốc gia EC đã ký kết đánh dấu sự lớn mạnh của EC. Trong đó có 6 quốc gia hạt nhân (là những nước tham gia ECSC ngay từ ngày đầu thành lập). Từ thời điểm được thành lập tới khi thành viên thứ 13 được kết nạp, tình hình kinh tế Châu Âu đã có những thành tựu vượt bậc so với thời kì sau Thế chiến thứ 2.

3. Từ Hiệp ước Maastricht đến Hiệp ước Lisbon

Bước sang thập niên 90 của thế kỷ XX, bối cảnh thế giới một lần nữa thay đổi. Chiến tranh Lạnh kết thúc với sự tan rã của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu. Thế lưỡng cực bị phá vỡ, sự sụp đổ của bức tường Berlin đã đặt dấu chấm hết cho sự chia cắt giữa Tây Âu và Đông Âu. Bối cảnh mới này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sâu rộng hơn của Cộng đồng Châu Âu (sau này là Liên minh Châu Âu).

Để mở đầu cho sự hội nhập rộng rãi hơn của toàn Châu Âu, năm 1990 một hiệp ước về sự do đi lại đã được một số nước Châu Âu kí kết, mang tên Hiệp ước Schengen. Ban đầu chỉ có 6 nước hạt nhân tham gia khối Schengen, đến cuối năm 2009, đã có 28 nước tham gia khối này trong đó có cả những quốc gia không phải là thành viên của EU. Việc tự do đi lại trở thành tiền đề cho những bước phát triển sau này của Châu Âu, đặc biệt là về kinh tế.

Sau hơn ba thập kỉ phát triển, EC đã tạo những cơ sở cho việc phát triển và hội nhập kinh tế giữa các quốc gia thành viên. Những thành tựu kinh tế mà

¹¹ Bao gồm cả Greenland – sau này tách ra khỏi Cộng đồng năm 1985.

khu vực này đạt được là rất đáng kể. Chỉ tính riêng mức sống của người dân hay những yếu tố cơ sở hạ tầng, cơ sở công nghiệp ở các nước thành viên đã chỉ ra sự phát triển vượt bậc của châu lục này. Cho dù sở hữu nền kinh tế phát triển, nhưng EC vẫn mang tiếng là “chú lùn chính trị” và “con sâu quân sự”¹². Vì lẽ đó, Châu Âu đã tiến hành công cuộc nhất thể hóa về phương diện chính trị, qua đó tăng cường tiếng nói với các thành viên và tạo chỗ đứng của mình trên chính trường quốc tế.

Hiệp ước Maastricht – 1992

Hiệp ước Maastricht đánh dấu một giai đoạn mới trong tiến trình xây dựng một liên minh ngày càng chặt chẽ giữa các quốc gia thành viên. Từ năm 1992, Liên minh Châu Âu (EU) chính thức thay thế cho Cộng đồng Châu Âu (EC). Mục tiêu chủ yếu của Hiệp ước Maastricht là mở rộng quá trình hợp nhất của Châu Âu, tiến tới thành lập EU trên cơ sở liên minh kinh tế - tiền tệ với đồng tiền chung Euro và liên minh chính trị bao gồm việc thực hiện một chính sách đối ngoại và an ninh chung. Hiệp ước Maastricht lần đầu tiên nêu ra ba trụ cột của EU: (1) Cộng đồng Châu Âu là sự kế tục của Cộng đồng Kinh tế Châu Âu nhưng từ “kinh tế” được loại bỏ để thể hiện sự hợp tác đa diện hơn¹³ (cả về kinh tế – văn hóa – xã hội – môi trường) giữa các thành viên; (2) Trụ cột về chính sách đối ngoại và an ninh chung nhằm tạo ra cơ chế phối hợp xây dựng kế hoạch và thực thi chính sách đối ngoại và an ninh chung giữa các nước thành viên trên cơ sở đảm bảo chủ quyền quốc gia; và (3) Trụ cột về chính sách hợp tác nội vụ và tư pháp thể hiện sự hợp tác trong các lĩnh vực xét xử tội phạm, giải quyết các vấn đề tị nạn, nhập cư và hợp tác tư pháp trong vấn đề dân sự.¹⁴

Đồng thời Hiệp ước Maastricht cũng đưa ra lộ trình cho việc xây dựng đồng tiền chung Châu Âu (Euro) và Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB). Trong đó nêu rõ: tỷ lệ lạm phát không vượt quá 1.5% so với mức trung bình của

¹² [35]

¹³ Điều 2, *Hiệp ước Maastricht* (1992).

¹⁴ Điều 138, *Hiệp ước Maastricht* (1992).

ba nước có tỷ lệ lạm phát thấp nhất; thậm chí ngân sách không quá 3% GDP; nợ nhà nước dưới 60% GDP...¹⁵ Bên cạnh đó Hiệp ước Maastricht còn mở rộng trách nhiệm của EU trong các vấn đề xã hội, như y tế, giáo dục, giao thông vận tải v.v. Theo đó, công dân Châu Âu có thêm nhiều quyền hạn mới như quyền tự do đi lại, tự do cư trú trên các lãnh thổ của các quốc gia thành viên và có quyền bầu cử trong các cuộc bầu cử địa phương và EU.

Hiệp ước cũng bổ sung cho Nghị viện Châu Âu (EP) thủ tục lập pháp mới: đồng quyết định. Theo đó, EP có quyền lực ngang bằng với Hội đồng Bộ trưởng. Khi một bộ luật muốn được thông qua, nó cần có sự đồng thuận từ cả hai thể chế trên. Bên cạnh đó, Hiệp ước còn trao thêm cho Nghị viện phê chuẩn các thỏa thuận quốc tế của Liên minh Châu Âu.

Lần đầu tiên trong lịch sử Châu Âu, có một Hiệp ước chú trọng đến mọi lĩnh vực hợp tác của Châu Âu, qua đó gắn kết các quốc gia với nhau bằng những mối liên hệ toàn diện hơn. Một thị trường nội địa chỉ phát hiệu quả cao nếu các nước thành viên có chung một chính sách phát triển, chính sách xã hội, chính sách nhập cư và chính sách tiền tệ. Nhờ có những thay đổi đó, EU thu hút được thêm các quốc gia mong muốn làm thành viên của tổ chức khu vực này. Năm 1995, EU đón chào thêm ba thành viên mới là Áo, Phần Lan và Thụy Điển.

Hiệp ước Amsterdam -1997

Hiệp ước Amsterdam, còn gọi là Hiệp ước Maastricht sửa đổi được 15 quốc gia thành viên ký kết năm 1997 và đi vào hiệu lực năm 1999. Hiệp ước này chú trọng vào việc sửa đổi trụ cột thứ hai về chính sách đối ngoại và an ninh chung; và xây dựng đồng tiền chung Euro. Hiệp ước Amsterdam tạo cơ sở pháp lý để đồng Euro chính thức ra đời với tư cách đầy đủ của một đồng tiền thực thụ và đi vào hoạt động trong phạm vi 11 nước thành viên.¹⁶ Hiệp ước ước

¹⁵ [37]

¹⁶ [16]

này cũng đánh dấu sự hoàn thiện về quyền công dân và quyền cá nhân của con người với mong muốn tạo lập được một xã hội dân chủ và công bằng hơn nữa. Mặc dù trọng tâm của Hiệp ước Amsterdam không phải xem xét quyền hạn của Nghị viện, nhưng nó cũng đã tăng cường đáng kể quyền hạn cho thể chế này, như đơn giản hóa thủ tục, mở rộng phạm vi hoạt động, tăng cường vai trò kiểm soát, và không chế số nghị sĩ của mỗi quốc gia theo tỷ lệ tương ứng với số dân của nước đó.

Hiệp ước Amsterdam là bước tiến mới cho quá trình nhất thể hóa của Châu Âu với thành tựu nổi bật nhất là sự ra đời của đồng tiền chung và sự hoàn thiện về quyền cá nhân của con người, tiến tới một nền dân chủ hơn nữa. Liên minh Châu Âu giờ đây trở nên thống nhất hơn cả về thể chế và pháp luật.

Hiệp ước Nice – 2001

Hiệp ước Nice là sự bổ sung cho Hiệp ước Maastricht và Hiệp ước Roma, bên cạnh đó hoàn thiện cơ chế đón nhận các thành viên mới theo chính sách mở rộng về phía Đông Âu – vốn được đề cập trong Hiệp ước Amsterdam (1997) nhưng “gặp sai lầm khi ấn định thời gian mở rộng thành viên.”¹⁷

Hiệp ước Nice chú trọng vào cải cách thể chế và tăng cường vai trò cho Nghị viện Châu Âu. Bên cạnh đó còn thảo luận các vấn đề liên quan tới chính sách an ninh và quốc phòng, thành lập ra Lực lượng phản ứng nhanh (RRF) nhằm mục đích bảo vệ an ninh chung cho khối và giải quyết các vấn đề xung đột hiệu quả hơn. Quan trọng hơn, EU sẽ có một lực lượng an ninh riêng, độc lập với NATO và không phụ thuộc vào Mỹ.

Điểm thành công nhất của Hiệp ước này chính là tạo điều kiện cho lần kết nạp thành viên lớn nhất trong lịch sử EU. Năm 2005, liên minh này mở rộng sang hướng Trung và Đông Âu (đúng lộ trình) với sự gia nhập của 10 nước thành viên, bao gồm: Cyprus (Síp), Cộng hòa Czech, Estonia, Hungaria, Latvia,

¹⁷ [11;3]

Lithuania, Malta, Ba Lan, Slovakia và Slovenia. Việc mở rộng thành viên giúp EU vượt qua Mỹ về dân số, tổng sản phẩm quốc nội.

Hiến pháp Chung – 2003

Bản hiến pháp được coi như tham vọng của các nhà chính trị trong việc tạo ra một công cụ chính trị sắc bén cho EU trong thế kỷ XXI. Nhất là sau lần kết nạp thành viên lịch sử, các nước càng mong muốn đẩy nhanh quá trình nhất thể hóa chính trị bằng việc đưa ra một bản hiến pháp chung. Tuy bản dự thảo hiến pháp đã được các nhà lãnh đạo và nguyên thủ 25 nước thông qua năm 2003, nhưng đến năm 2005, cử tri Pháp và Hà Lan đã lần lượt bác bỏ. Sau đó 10 nước thành viên tiếp tục phản đối bản dự thảo hiến pháp. Nhìn chung, bản hiến pháp này đã thất bại do không tạo được sự đồng thuận giữa các quốc gia. Dưới sự hối thúc của các quốc gia thành viên khác, năm 2007, vấn đề xây dựng một Hiến pháp Chung lại được đưa ra và buộc phải hoàn thành trước kì bầu cử Nghị viện Châu Âu 2009, đây là nền tảng của Hiệp ước Lisbon. Trong năm 2007, EU tiếp tục kết nạp thêm 2 thành viên nữa là Bulgaria và Romania, nâng tổng số thành viên của tổ chức này lên 27 nước. Liên minh này trở thành khối thương mại lớn nhất thế giới.

Hiệp ước Lisbon – 2007

Hiệp ước Lisbon được ký kết vào tháng 12 năm 2007 và có hiệu lực chính thức vào năm 2009. Hiệp ước Lisbon sửa đổi những thiếu sót của Hiệp ước Maastricht và Hiệp ước Roma và cùng với tiến trình này, Hiệp ước Roma được thay thế bằng tên gọi khác – Hiệp ước về chức năng của Liên minh Châu Âu.

Hiệp ước Lisbon chính thức hủy bỏ ba trụ cột cơ bản của Hiệp ước Maastricht để tạo ra một khuôn khổ pháp lý chung cho Liên minh Châu Âu. EU đã tán thành việc đẩy nhanh cải cách cơ cấu kinh tế, nhấn mạnh khía cạnh phát triển xã hội. Trước đó, nội dung của Hiệp ước Lisbon phải sửa đổi khá nhiều

lần để giải quyết chia rẽ trong nội bộ EU do những mâu thuẫn lợi ích các quốc gia gây nên. Sau rất nhiều vòng đàm phán và sửa đổi, Hiệp ước Lisbon đã được soạn thảo vào năm 2007 để vượt qua cuộc trưng cầu dân ý của Ireland và được Cộng hòa Czech phê chuẩn vào phút chót trong năm 2009.

Hiệp ước Lisbon tạo ra một EU dân chủ và minh bạch hơn, với bộ máy hoạt động được đơn giản hóa và hiệu quả hơn. Hơn hết, hiệp ước này còn tạo ra cho Châu Âu những quyền lợi và giá trị riêng: tự do, đoàn kết và an ninh.¹⁸ Hiệp ước này được coi là dấu chấm hết cho cuộc khủng hoảng chính trị tại EU, cải thiện vị thế của liên minh trên trường quốc tế - tạo ra một diện mạo mới trên nền một Châu Âu già cỗi.

TIÊU KẾT

Bằng sự kế thừa những ý tưởng thống nhất trong lịch sử và một quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ, các nhà chính trị và nguyên thủ các quốc gia Châu Âu đã xây dựng và phát triển một khối liên minh vững chắc và toàn diện. Những thành tựu của EU được ghi dấu bởi các hiệp ước mà tất cả các nước thành viên cam kết thực hiện, với mục tiêu tiến tới nhất thể hóa Châu Âu. Tuy nhiên, từ việc cam kết thực hiện trên giấy tờ đến thực tiễn là cả một quá trình và trong quá trình đó tất yếu sẽ nảy sinh những vấn đề và mâu thuẫn. Phần tiếp theo của khóa luận xin trình bày và phân tích những vấn đề mà EU gặp phải trên con đường tiến tới nhất thể hóa.

¹⁸ [10;6]

CHƯƠNG II: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN TỚI NHẤT THỂ HÓA

Hiện tại EU đang đối mặt với thời kì khó khăn chưa từng có trong 50 hình thành và phát triển. Những vấn đề chính mà EU gặp phải có thể nói đều bắt nguồn từ việc khối này chuyển từ một khối liên kết từ tiền tệ, kinh tế sang hình thức liên kết chính trị. Từ đó, hàng loạt vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội khác nảy sinh.

1. Chênh lệch trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên

Với một khu vực có số lượng thành viên lớn và đa dạng như Liên minh Châu Âu, chênh lệch về trình độ phát triển là điều tất yếu. Càng hội nhập sâu rộng bao nhiêu, thì những cách biệt về trình độ phát triển càng bị “nới rộng” giữa các nước phát triển và những nước lạc hậu hơn.

1.1. Thực trạng chênh lệch trình độ phát triển

Ngay từ những ngày đầu thành lập, vấn đề chênh lệch trình độ phát triển đã tồn tại trong 6 nước ECSC. Nhắc lại lịch sử, sau Đại chiến thế giới thứ hai, kinh tế của các nước Tây Âu đều kiệt quệ và không có sức bật. Nhưng với kế hoạch phục hưng Châu Âu của Mỹ, các nước này dần khôi phục lại vị trí kinh tế trước đây của mình. Đặc biệt là 3 nước: Pháp, Đức và Italy nhưng với tốc độ và các lĩnh vực phát triển trọng tâm rất khác nhau. Còn ba nước Benelux (bao gồm Bỉ, Hà Lan và Luxembourg) lại vốn có nền kinh tế gắn chặt với nền kinh tế Đức. Một khi nền kinh tế Đức phục hồi, nền kinh tế của ba quốc gia này cũng sẽ khởi sắc. Sáu quốc gia ECSC được coi là trung tâm công nghiệp và tiêu thụ của Tây Âu lúc bấy giờ.

Từ năm 1950 đến năm 1956, tốc độ tăng trưởng hàng năm của sản xuất công nghiệp của Tây Đức đạt 12,6% với mức tăng là 81%. Trong khi con số của Pháp chỉ đạt 5,8% với mức tăng 36%; và của Italy đạt 8,6% với mức tăng 56%.¹⁹

¹⁹ [12;298]

Rõ ràng Đức và Italy có sức bật kinh tế mạnh hơn hẳn so với Pháp. Sự chênh lệch này có thể giải thích bằng chính sách kinh tế khác nhau của các quốc gia này. Pháp được coi là “vựa lúa của Châu Âu” và là một trong những cái nôi văn hóa, nên quốc gia này tập trung vào việc hiện đại hóa ngành nông nghiệp của mình và xuất khẩu các mặt hàng cao cấp. Ngoài ra, Pháp còn có các ngành công nghiệp mũi nhọn khác gồm: công nghiệp điện tử và tin học; công nghiệp hàng không và vũ trụ; công nghệ chế tạo vũ khí và công nghiệp gang thép. Lúc này Pháp trở thành cường quốc công nghiệp thứ 5 trên thế giới và là nước đứng đầu Châu Âu về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp.²⁰ Trong khi đó, với mong muốn khôi phục tiềm lực kinh tế với tốc độ nhanh, Đức chú trọng đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và mau chóng trở thành nước công nghiệp đứng thứ hai trong thế giới tư bản. Nguyên do cho sự phát triển thần kỳ này là bởi giữa những năm 50, Đức không chi tiêu cho quân sự (mặc dù là “mặt trận tiếp giáp với chủ nghĩa cộng sản”) mà dồn vốn cho việc xây dựng các xí nghiệp khổng lồ với trang thiết bị hiện đại. Sự tập trung sản xuất công nghiệp đạt mức độ cao tạo nên khối lượng sản phẩm to lớn, giúp Đức trở thành một trong những quốc gia có nền xuất khẩu hàng đầu thế giới tại thời điểm đó. Italy đẩy mạnh phát triển hài hòa hơn, với đầu tư phát triển công nghiệp ở miền Bắc đất nước và đẩy mạnh hiện đại hóa nông nghiệp ở phía Nam. Do đó, Italy trở thành một nước công – nông nghiệp phát triển tại Châu Âu.

Tuy nhiên, sự chênh lệch này giữa ba nước thành viên chủ chốt của ECSC chưa phải là quá cách biệt. Các quốc gia này vẫn được coi là những nước công nghiệp phát triển, sự không đồng đều trong trình độ phát triển kinh tế chỉ là những khác biệt về chính sách kinh tế chứ không do năng lực điều hành quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ở các quốc gia này. Trong bối cảnh sáu nước này chỉ hợp tác trên một lĩnh vực kinh tế nhỏ là quản lý than – thép, thì những chênh lệch này không gây ảnh hưởng lớn tới đời sống kinh tế – chính trị của khu vực nói chung và các quốc gia nói riêng. Nhìn chung, sự phát triển của các

²⁰ [12;301]

quốc gia này tương đối đồng đều, việc tồn tại những chênh lệch nhất định là không thể tránh khỏi.

Ngày nay, EU có 27 nước thành viên và được coi là cộng đồng kinh tế lớn nhất thế giới. Với khối lượng thành viên đông đảo và thị trường nội địa rộng lớn đó, những chênh lệch trình độ phát triển của các nước thành viên càng rõ nét hơn. Về tổng thể, sự chênh lệch phát triển này nằm ở hai nhóm quốc gia: nhóm quốc gia phát triển (còn gọi là EU15 – các quốc gia gia nhập EU trước năm 2004); và nhóm quốc gia Trung – Đông Âu (CEECs – kết nạp năm 2004 và 2007).

Những con số về thu nhập bình quân đầu người của từng quốc gia chỉ rõ cho ta thấy những khác biệt trong trình độ phát triển của mỗi khu vực trong Châu Âu. Luxembourg được coi là một trong những quốc gia có thu nhập đầu người cao nhất thế giới (vượt Mỹ và Nhật Bản) khoảng 69.100 USD/ người. Tình trạng ở các nước mới vào EU lại rất khác biệt. Có thể coi Luxembourg giàu hơn Romania tới 6 lần, bởi lẽ thu nhập đầu người ở Romania chỉ là 11.000 USD và ở Bulgaria chỉ là 10.600 USD – được coi là quốc gia có GDP đầu người thấp nhất EU (2010)²¹. Nhịp độ phát triển giữa các quốc gia cũng rất khác nhau. Các khu vực tập trung mức sống cao nhất là vùng Nam Đức, Nam Anh, Bắc Ý, Áo, Ireland, nhóm nước Benelux và các nước thuộc Scandinavia. Các vùng thấp hơn là Madrid, Paris và Praha. Những khu vực kinh tế yếu nhất tập trung ở Nam và Đông của Liên minh Châu Âu, bao gồm cả Đông Đức và 12 nước thành viên mới.

EU cũng đã có những nỗ lực để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, bằng cách chi những khoản ngân sách lớn trong nhiều lĩnh vực kinh tế. Ví dụ như Chính sách Nông nghiệp Chung (CAP), “có tới 21.6% dân số ở các nước EU 12 sống bằng nông nghiệp, so với 4.3% ở các nước EU 15”²². Do đó, EU trợ cấp trực tiếp cho các nước thành viên mới với trị giá 10 tỷ Euro để thu hẹp khoảng cách chênh lệch phát triển nông nghiệp và thu nhập đầu người

²¹ [31]

²² [11;6]

giữa các nước thành viên. Những khoản chi này đều phát huy hiệu quả đáng kể khi nhịp độ tăng trưởng của các nước EU 12 đạt ổn định và đời sống người dân được đảm bảo. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến 2010 khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng nợ công “đã cuốn trôi 10 năm thành tựu của Liên minh Châu Âu”²³. Những chênh lệch giờ đây còn sâu sắc hơn nữa và tạo ra những hệ lụy về mặt chính trị và xã hội trong toàn khu vực.

1.2. Nguyên nhân chênh lệch trình độ phát triển

Mặc dù EU đã tạo ra một môi trường chung cho các hoạt động kinh tế của các quốc gia thành viên nhằm tiến tới nhất thể hóa sâu hơn nữa, nhưng những chênh lệch trình độ phát triển vẫn tồn tại giữa các khu vực trong Liên minh.

Chênh lệch xuất phát từ nền kinh tế khác biệt giữa các quốc gia

EU đã trải qua sáu lần mở rộng. Các quốc gia mới tham gia vào EU trong những lần mở rộng đều có những đặc tính kinh tế - chính trị - xã hội rất khác biệt so với 6 nước Tây Âu ban đầu. Đơn cử trong lần mở rộng lần thứ hai và thứ ba, các nước thành viên mới đến từ Nam Âu (Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...), nơi có thể chế kinh tế, dân chủ và nhân quyền tương đối khác biệt. Thêm vào đó, trình độ phát triển kinh tế của các nước Nam Âu này thấp hơn hẳn so với 6 nước hạt nhân. Đến lần mở rộng thứ tư, các nước Bắc Âu được kết nạp (Áo, Phần Lan và Thụy Điển). Đây là các nước trung lập và có nền kinh tế rất giàu có (bậc nhất thế giới). Tính đến thời điểm năm 1995, các nước tham gia EU chia làm ba nhịp độ phát triển khác nhau, theo trục Bắc – Nam. Khu vực Bắc Âu giàu có, vùng Tây Âu phát triển công nghiệp và vùng Nam Âu kém phát triển hơn.

Đến lần mở rộng thứ năm và thứ sáu, những chênh lệch tiếp tục trải rộng theo hướng Đông – Tây. 12 nước CEECs được kết nạp trong thập niên 2000 đều có trình độ kinh tế và thể chế chính trị rất khác biệt so với các nước thành viên cũ. Thứ nhất, các nước này trước đây đều có nền kinh tế tập trung, sản xuất

²³ [15]

theo kế hoạch. Do đó việc chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường gây nhiều khó khăn cho những nước này do thiếu kinh nghiệm trong quản lý. Ví dụ trong trường hợp của Ba Lan, quá trình tư nhân hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp kéo theo nạn thất nghiệp của nước này tăng cao, lạm phát triền miên, thâm hụt cán cân thương mại do không cạnh tranh nổi với hàng hóa nước ngoài... Tất cả những vấn đề đó tác động vào nền kinh tế Ba Lan, khiến cho nền kinh tế này khó hòa nhập với nền sản xuất hiện đại của EU. Thứ hai, tình hình chính trị các nước này khá bất ổn sau Chiến tranh Lạnh. Không những tồn tại những mâu thuẫn trong các đảng phái chính trị ở các quốc gia, mà giữa các quốc gia cũng thường diễn ra tranh cãi và xung đột xung quanh những vấn đề biên giới hay sắc tộc. Cộng hòa Czech là một điển hình, trước năm 1993, quốc gia này theo chế độ chính trị một đảng – một nhà nước, đã mất rất nhiều thời gian để chuyển đổi sang chính thể dân chủ nghị viện, đứng đầu là Tổng thống. Bên cạnh đó, Czech và Sloviaka thường xuyên gặp các vấn đề về tài sản liên bang và vấn đề đường biên giới. Thứ ba, về mặt xã hội các quốc gia này có tỷ lệ thất nghiệp khá cao và tỷ lệ tệ nạn xã hội lớn hơn nhiều so với các quốc gia EU 15. Những yếu tố này làm trình độ phát triển của các nước CEECs có phần lạc hậu hơn so với các nước EU 15 ngay từ trước khi gia nhập liên minh. Do đó sau khi chính thức trở thành thành viên của EU, với sự giúp đỡ của Liên minh, những nước này đã nỗ lực rất lớn để kéo gần khoảng cách chênh lệch với nhóm nước phát triển hơn.

Chênh lệch xuất phát từ quá trình nhất thể hóa

Quá trình nhất thể hóa Châu Âu, thực chất không gây tác động trực tiếp tới vấn đề chênh lệch trình độ phát triển của các quốc gia. Báo cáo của Ủy Ban Châu Âu nêu rõ: “Về kinh tế, việc mở rộng làm tăng các tiêu chuẩn sống ở những quốc gia thành viên mới, trong khi tạo ra cơ hội xuất khẩu và đầu tư cho những nước thành viên cũ; giúp củng cố dân chủ, ổn định và an ninh tại châu lục...”. Thực tế cho thấy rằng, những nhận định trên là chính xác. Gia nhập EU tạo điều kiện phát triển không những về kinh tế và cả về chính trị cho các quốc

gia. Các quốc gia thành viên mới sẽ nhận được những khoản hỗ trợ để xây dựng cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường (Quỹ ISPA), hay quỹ nông nghiệp và phát triển nông thôn (Quỹ SAPARD) với con số đầu tư khổng lồ 20 tỷ Euro²⁴. Cộng thêm những điều kiện kinh tế cơ bản như tự do đi lại, tự do hàng hóa, dịch vụ, lao động và một đồng tiền chung, cả khu vực EU nói chung và Eurozone nói riêng trở thành một thị trường rộng lớn, tạo điều kiện cho đầu tư trong nước và giảm thiểu rủi ro đầu tư. Ví dụ như trong trường hợp của Ba Lan, việc gia nhập Liên minh Châu Âu đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt kinh tế, chính trị của nước này. Đầu thập niên 90, đôi lúc nền kinh tế Ba Lan rơi vào trạng thái tăng trưởng âm hoặc trời sập với biên độ mạnh. Nhưng từ khi gia nhập EU, nền kinh tế Ba Lan luôn tăng trưởng đều với mức GDP 5-6% một năm²⁵. Nền kinh tế nước này được hiện đại nhanh chóng, đầu tư tương ngoài tăng vọt và Ba Lan cũng được hưởng lợi từ những quỹ phát triển của EU giúp cơ cấu lại nền kinh tế.

Tuy nhiên, do phải đạt được những tiêu chuẩn chung khi tham gia vào EU, các nước này phải thực hiện nhiều điều chỉnh lớn về cả kinh tế và chính trị. Đây mới là nguyên nhân dẫn tới sự lạc hậu của các nước CEECs so với các quốc gia EU 15. Các nước này khi gia nhập Liên minh có trách nhiệm tuân thủ các trật tự pháp lý trong cộng đồng và chấp nhận các chính sách chung khác. Ngoài ra, các nước còn phải chấp nhận “việc chuyển giao quyền lực nhà nước cho các thể chế siêu quốc gia ngày càng nhiều hơn”²⁶... Một loạt những thay đổi về cả cơ cấu kinh tế, lẫn các lĩnh vực liên quan tới chính trị - pháp luật trong thời gian ngắn, gây nên tình trạng phát triển tụt hậu so với mặt bằng chung của nền kinh tế cộng đồng. Trong trường hợp của Ba Lan, quốc gia này gặp khó khăn rất lớn trong lĩnh vực nông nghiệp. EU thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp lớn cho quốc gia này có ngành lên tới 30%²⁷, nhưng Nhà nước Ba Lan lại không có sự trợ giúp cho nông dân. Dẫn đến tình trạng, khi nước này mở cửa

²⁴ [23;15]

²⁵ [33]

²⁶ [6;41]

²⁷ [4;24]

nền kinh tế hoàn toàn, hàng hóa EU tràn vào trong thị trường làm các sản phẩm nông nghiệp của nước này không thể cạnh tranh.

Sự chênh lệch trong trình độ phát triển giữa các quốc gia là một vấn đề không thể tránh khỏi của sự vận động kinh tế và là thách thức to lớn đối với quá trình nhất thể hóa Châu Âu. Một nghịch lý đang diễn ra trong EU là càng tiến gần tới nhất thể hóa thì khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên càng gia tăng.

1.3. Tác động của vấn đề đến quá trình nhất thể hóa

Châu Âu đang hướng tới xây dựng một cơ chế bình đẳng và dân chủ, tuy nhiên, trong các vấn đề quan trọng như kinh tế, chính trị người ta thấy vai trò của Đức và Pháp nổi lên rõ rệt, trong khi các quốc gia nhỏ hơn hầu như không có tiếng nói riêng. Sự bất bình đẳng này có thể xuất phát từ tiềm lực kinh tế của các quốc gia. Đức và Pháp là hai đầu tàu kinh tế của Châu Âu, cũng là hai quốc gia đóng góp nhiều nhất cho ngân sách của EU. Theo số liệu của Eurostat, năm 2011, Đức đóng góp đến 21.11% tổng ngân sách của EU, tương đương 22.2 tỷ Euro. Pháp đóng góp 16.44%, tương đương 17.3 tỷ Euro.²⁸ Trong khi các nước thuộc nhóm EU 12 chỉ đóng góp chưa tới 1% tổng ngân sách. Đặc biệt, Romania và Bulgaria không đóng góp kinh tế cho ngân sách này. Chênh lệch về tỷ lệ đóng góp quốc gia đồng nghĩa với sức ảnh hưởng của các quốc gia là khác nhau. Các quốc gia đóng góp nhiều cần biết tiền của mình sẽ được sử dụng với mục đích gì, và hơn nữa, họ có khả năng điều khiển được số tiền đó “rót” vào những vấn đề mà họ quan tâm. Các quốc gia đóng góp ít hơn đồng nghĩa với việc không có nhiều quyền kiểm soát đối với tình hình chung.

Tình hình càng thêm căng thẳng, khi các nước EU đang bối rối vì vấn nạn nợ công, thì Pháp và Đức vẫn còn “dè dứ” trong việc lựa chọn hướng giải quyết. Chỉ khi Đức và Pháp thống nhất quan điểm thì tương lai của Hy Lạp mới được đảm bảo bằng việc nhận khoản cứu trợ khổng lồ từ EU và IMF. Có thể thấy rằng, sự bất bình đẳng đang thể hiện rất rõ thông qua sự chênh lệch về tiềm

²⁸ [34]

lực kinh tế giữa các quốc gia trong Châu Âu. Trong đó, Đức và Pháp hoàn toàn có thể “nắm vận mệnh” các quốc gia khác (và kể cả đồng Euro) trong tay và xoay vần nó theo ý chí riêng của mình. Vô hình chung, vấn đề này đi ngược lại với những tôn chỉ về bình đẳng, tự do và dân chủ mà EU đang xây dựng. Chênh lệch trình độ phát triển là tất yếu và nó sẽ còn tiếp tục cản trở quá trình nhất thể hóa, tiến tới một thể chế bình đẳng giữa các quốc gia trong Châu Âu.

Sự chênh lệch trình độ phát triển ở Châu Âu còn tạo nên hai tốc độ phát triển khác nhau giữa các nhóm quốc gia. EU ngày nay được biết đến như một khu vực với mức độ thống nhất kinh tế rất cao, bao gồm khu vực tự do đi lại, tự do hàng hóa và khu vực đồng tiền chung. Cho dù có chia sẻ các yếu tố đó, cũng như nhận được sự giúp đỡ lẫn nhau, tốc độ phát triển của các nước thành viên EU vẫn có những phân hóa rõ nét. Nhóm nước giàu hơn là các nền kinh tế Bắc Âu, còn lại là các nền kinh tế yếu hơn. Khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng nợ công đang hoành hành tại Châu Âu đã làm những khoảng cách kinh tế này nới rộng hơn, dẫn tới những nguy cơ mới trong nền kinh tế, đặc biệt là vấn đề thất nghiệp. Nhìn chung, tỷ lệ thất nghiệp ở các quốc gia đều tăng, nhưng mức độ lại khác nhau. Nếu ở Đức tỷ lệ lên tăng 5.7%, thì ở Bulgaria là 12.7%. Tỷ lệ thất nghiệp tăng cao nhất là Tây Ban Nha lên tới 23.6% (2012)²⁹.

Không chỉ gây ra những tác động đến chính trị và kinh tế, vấn đề chênh lệch trình độ phát triển còn làm nảy sinh nhiều xu hướng xã hội khác ở Châu Âu. Một trong số đó là hiện tượng dòng lao động từ các nước nghèo hơn trong khu vực Trung và Đông Âu chảy sang các nước ở Tây Âu. Cụ thể trong năm 2010: 2.9 triệu người từ EU 12 đã di cư sang EU 15. Theo Viện nghiên cứu Kinh tế Đức, con số này sẽ còn tiếp tục tăng mạnh, dự báo 3.7 triệu người sẽ di cư sang EU 15 trong năm 2020 và năm 2030 con số này sẽ lên tới 3.9 triệu người.³⁰ Hiện tượng này đang làm các nước trong Châu Âu “già” lo lắng bởi những ảnh hưởng tiêu cực của nó tới thị trường lao động và tạo gánh nặng lên vấn đề an sinh xã hội, đồng thời nó cũng gây nên những ảnh hưởng tới vấn đề

²⁹ [32]

³⁰ [4;93]

hội nhập của các thành viên mới cũng như sự thiếu hụt các thành phần kinh tế trong khu vực. Tình trạng này càng khó kiểm soát khi người dân Châu Âu được phép tự do đi lại theo Hiệp ước Schengen. Tỷ lệ thất nghiệp cao là tác nhân gây nên sự chuyển dịch về nhân lực lao động. Trong năm 2007, Anh (một trong ba quốc gia mở cửa thị trường lao động của mình cho các nước thành viên mới của EU) đã đón nhận khoảng 600.000 người nhập cư³¹ chủ yếu đến từ các nước như Ba Lan (chiếm 65%), Slovakia (10%) và Lithuania (10%). Pháp và Đức cũng chịu hoàn cảnh tương tự. Hiện tượng di cư ồ ạt từ các nước CEECs sang Tây Âu tạo ra sự dư thừa lao động tài khu vực, dẫn đến tình trạng thất nghiệp tăng cao, đồng thời làm tăng mức độ tham nhũng... Trước vấn đề này, EU cũng đã đưa ra những biện pháp để quản lý dòng người nhập cư. Các nước thành viên EU đã thực hiện chính sách thẻ xanh, quota người nhập cư, hoặc ký kết với nước thứ ba, trong đó áp dụng đối với cả các nước thành viên mới của EU trong thời gian chưa được phép tự do di chuyển lao động. Ví dụ như Áo áp dụng chính sách nhập cư với người lao động có thu nhập tối thiểu là 2.100 Euro, trong khi Đan Mạch áp dụng thẻ việc làm với người nước ngoài...³² Nhìn chung các nước đã có nỗ lực giải quyết vấn đề nhập cư và gặt hái được những thành công nhất định. Tuy nhiên, nguyên nhân gốc rễ của vấn đề nhập cư là chênh lệch trình độ phát triển lại chưa được giải quyết triệt để.

Có thể thấy, vấn đề chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước trong EU giờ đây không chỉ có tác động đơn thuần về kinh tế. Cùng với tiến trình nhất thể hóa, sự phân hóa về kinh tế giữa các quốc gia thành viên sẽ gây ảnh hưởng tới các vấn đề chính trị và xã hội khác. Những vấn đề đó yêu cầu cần được giải quyết dứt điểm chứ không chỉ là tìm cách điều hòa những vấn đề phát sinh.

2. Mâu thuẫn giữa ý tưởng và hành động thực tiễn

Qua những bản hiệp ước, các nhà chính trị và nguyên thủ Châu Âu đã tạo lập ra những mục tiêu hướng tới nhất thể hóa. Đó là hành loạt những con số,

³¹ [21;4]

³² [2;33]

những tiêu chuẩn mà các quốc gia phải đạt được để tiến tới “mốc” nhất thể hóa. Tuy nhiên, giữa việc ghi nhận các mục tiêu đó trên giấy tờ và việc thực hiện các mục tiêu đó là một khoảng cách lớn. Trên con đường hiện thực hóa những ý tưởng đó, có rất nhiều vấn đề nảy sinh. Bài viết tập trung vào hai vấn đề: thứ nhất là vấn đề quyền chủ quyền của các quốc gia thành viên bị lu mờ khi tham gia vào tiến trình hội nhập sâu rộng của EU và vấn đề tính hợp pháp –dân chủ của EU; thứ hai là mâu thuẫn giữa các quốc gia trong tiến trình nhất thể hóa.

2.1. Vấn đề quyền chủ quyền của các quốc gia thành viên

Xu hướng nhất thể hóa hiện là dòng chảy chủ đạo trong Liên minh Châu Âu. Quá trình này tạo nên một mặt bằng xã hội, kinh tế, chính trị chung giữa các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, hội nhập càng sâu rộng vào quá trình này, càng khiến cho các quốc gia bị mất đi quyền chủ quyền của mình. Trong khi đó, luật pháp quốc tế lại công nhận quyền chủ quyền là một trong những quyền tối quan trọng đối với một quốc gia. Câu chuyện của các nước EU không đơn giản chỉ là quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hòa nhập nhưng không hòa tan. Mà đó là quá trình quốc gia phải hy sinh một phần quyền lực của mình và chuyển giao nó cho một chủ thể siêu nhà nước. Lúc này, một câu hỏi khác lại nảy sinh, đó là liệu thể chế trên quốc gia đó có hợp pháp hay không và có thực sự dân chủ hay không?

Vấn đề về chủ quyền quốc gia

Liên minh Châu Âu đang phát triển về chiều sâu, về cả mức độ và phạm vi nhất thể hóa, trở thành một liên hiệp kinh tế gần như toàn diện, đã thống nhất tiền tệ và trong tương lai xa có thể thống nhất về cả chính trị và xã hội.³³ Khi gia nhập Liên minh Châu Âu, các quốc gia có rất nhiều cơ hội để phát triển về kinh tế, chính trị và xã hội. Ngoài ra các nước còn học hỏi được kinh nghiệm quản lý của các quốc gia khác nhằm xây dựng thể chế mới, củng cố hòa bình và an ninh khu vực.

³³ [6;47]

Tuy nhiên, sự hội nhập sâu rộng hơn cũng đồng nghĩa với việc tự hạn chế chủ quyền quốc gia. Các quốc gia muốn gia nhập EU phải tuân thủ các trật tự pháp lý của liên minh và chấp nhận các chính sách mà liên minh đưa ra, coi luật của EU cao hơn luật pháp quốc gia. Ví dụ như trong trường hợp của Cộng hòa Czech, khi quốc gia này tham gia vào EU nền kinh tế của họ buộc phải thực hiện chuyển đổi sở hữu, kéo theo đó là thay đổi về hệ thống pháp lý về thuế và ngân sách.³⁴ Giống như các quốc gia XHCN khác ở Đông Âu trước kia, nền kinh tế quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn, bao trùm gần như toàn bộ hoạt động của nền kinh tế. Quốc gia này đã thực hiện quá trình tư nhân hóa để phù hợp với nền kinh tế thị trường kiểu Tây Âu. Do là nước “sinh sau” nên các nước gia nhập sau năm 2004, không có khả năng thay đổi những chính sách đã có của EU mà phải tuân thủ các chính sách này cho dù có phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của mình hay không. Việc này gây bất lợi lớn đối với quá trình phát triển của quốc gia này.

Quá trình hình thành và phát triển của EU gắn liền với việc xây dựng kinh tế hiện đại, thiết lập một thể chế siêu quốc gia trong toàn khu vực. Các rào cản thương mại giữa các nước cũng được gỡ bỏ, thêm vào đó là sự tự do đi lại, biên giới giữa các nước trong khối Schengen được xóa nhòa. Về kinh tế, đây được coi là bước đi táo bạo, tạo tiền đề cho sự hội nhập sâu sắc về thương mại giữa các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, về mặt pháp luật, chủ quyền quốc gia của những nước này có phần bị xóa bỏ. Nếu như coi việc kiểm soát biên giới, quản lý thị thực là công việc nội bộ của quốc gia, thì khi gia nhập EU, các quốc gia này không còn “giữ” quyền này nữa. Thực chất, quy định miễn thị thực, không kiểm soát biên giới và dỡ bỏ rào cản thương mại gây ra một vài hậu quả đối với tình hình xã hội các quốc gia. Thứ nhất, vấn đề tội phạm và buôn bán ma túy sẽ khó kiểm soát hơn. Thứ hai, chủ nghĩa khủng bố có thể “len lỏi” dưới những tầng dưới của dòng người di cư giữa các quốc gia trong toàn bộ Châu Âu. Thứ ba, việc dỡ bỏ các rào cản thương mại gây ra khó khăn lớn đối với các

³⁴ [1;39]

nền kinh tế khi không thể bảo hộ nền sản xuất non yếu của mình (với trường hợp các nước CEECs) trước sự xâm nhập của hàng hóa các nước khác.

Có thể thấy rằng, nhất thể hóa và vấn đề quyền chủ quyền là hai vấn đề có xu hướng phát triển đối ngược nhau. Nhất thể hóa càng cao, thì quyền chủ quyền của các quốc gia càng bị ảnh hưởng và lu mờ. Quan điểm về quyền chủ quyền của quốc gia và tính bất khả xâm phạm của nó là nguyên lý cơ bản trong luật quốc tế trong suốt hơn 400 năm qua, do đó vượt qua những vấn đề về quyền chủ quyền là một thách lớn đối với các quốc gia thành viên EU.

Vấn đề về tính hợp pháp và dân chủ của EU

Quá trình nhất thể hóa về mặt chính trị đã xây dựng cho EU một quyền đại diện hợp pháp cho các quốc gia thành viên trong các vấn đề đối ngoại và đưa ra những chính sách đối nội chung trong khối. Điều này đồng nghĩa với việc khi một quốc gia gia nhập EU, quốc gia này chấp nhận việc EU trở thành đại diện pháp lý của mình. Tuy nhiên, các quốc gia thành viên vẫn muốn bảo lưu một số quyền và chủ quyền quốc gia. Hai quá trình này mâu thuẫn với nhau, một mặt tính hợp pháp của EU được mở rộng vào bao trùm lên toàn bộ khu vực, nhưng mặt khác các quốc gia vẫn muốn giữ cho mình quyền tự quyết nhất định. Vô hình chung, quá trình này nảy sinh thách thức về phạm vi quyền lực của EU và cản trở quá trình nhất thể hóa Châu Âu.

EU tự miêu tả như một cơ chế thúc đẩy hòa bình, thịnh vượng và dân chủ giữa các quốc gia thành viên. Yếu tố dân chủ cũng là yếu tố chính trong việc xét duyệt thành viên mới. Nhưng nhìn vào thực tế, EU từ trước đến nay đều do giới tinh hoa xác lập, chứ không phải do người dân. Trong khi EU yêu cầu các nước thành viên phải đạt được tiêu chí dân chủ, thì bản thân EU lại không thỏa mãn được chính yêu cầu đó. Thất bại trong việc xây dựng một hệ thống chính trị dân chủ sẽ tạo ra nhiều vấn đề hơn nữa bởi lẽ EU đang dần thâm nhập sâu hơn vào đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của các quốc gia thành viên. Liên minh Châu Âu hiện nay là một thể chế hội nhập khu vực ở mức độ cao nhất, đồng thời EU cũng kìm hãm quá trình hình thành một nhà nước liên bang Châu Âu.

Một phần, EU giống như một tổ chức quốc tế liên chính phủ - như Liên Hợp Quốc. Một phần lại giống như một nhà nước liên bang (có mức độ thống nhất có khi còn hơn cả Liên bang Mỹ). Về lý thuyết, những điều này tạo ra một EU độc nhất vô nhị, rất phức tạp và làm Liên minh trở thành một thực thể dân chủ. Nhưng trên thực tế, việc đưa ra ý tưởng dễ hơn nhiều so với việc biến ý tưởng thành hiện thực, các nhà chính trị đã tạo ra cho EU một điểm yếu chết người vì sự thiếu dân chủ trong thể chế.

Nhiều năm qua EU không chỉ dừng lại ở việc hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, Liên minh này có thêm quyền lực trong nhiều lĩnh vực khác từ tiêu chuẩn lao động, tội phạm hình sự, kiểm tra hộ chiếu, đến cả những vấn đề như ngân sách quốc gia thành viên. Việc các chính phủ làm việc và thảo luận về mọi vấn đề trong khu vực thực chất đã tạo ra một khoảng cách thực sự giữa người dân và cơ chế liên chính phủ. Và người dân dường như bị đứng ngoài những cuộc thảo luận về chính cuộc sống của mình. Những khoảng cách đó tạo ra sự phức tạp, thiếu minh bạch và thiếu trách nhiệm.

Để giải quyết tình trạng yếu kém về dân chủ, EU nỗ lực tập trung vào xây dựng những thể chế có tính gần-giống-liên-bang (quasi-federal)³⁵ – như Ủy ban Châu Âu và Nghị viện Châu Âu. Nhưng giải quyết vấn đề này thì lại phát sinh vấn đề khác: Các thành viên trong Ủy ban không được lựa chọn do bầu cử và quyền lực của Nghị viện lại quá lớn, dẫn tới hiện tượng tỷ lệ cử tri tham gia các cuộc bầu cử tại Châu Âu ngày một giảm. Những ủy viên của Ủy ban là những công chức hoặc các nhà kỹ trị - chứ không phải là những nhà chính trị dân bầu – lại nắm trong tay quá nhiều quyền lực và có hiệu lực như một chính phủ chung vai sát cánh với 27 nhà lãnh đạo khác trong Hội đồng Châu Âu.³⁶

Quyền lực của Nghị Viện Châu Âu càng ngày càng được củng cố nhưng những cuộc bầu cử Nghị viện càng ngày càng mất tính hấp dẫn đối với cử tri Châu Âu. Đồng nghĩa rằng những nỗ lực nhằm tăng cường tính dân chủ trong bộ máy thể chế EU không gặt hái bất cứ thành công nào!

³⁵ [40]

³⁶ [36]

2.2. Mâu thuẫn giữa các quốc gia thành viên trong quá trình nhất thể hóa – phong trào chống nhất thể hóa

Trong khi các nhà lãnh đạo của các nước trong EU tích cực để mở rộng và đào sâu hơn nữa quá trình nhất thể hóa của khối này, thì một phong trào khác chống lại quá trình này xuất hiện. Các quốc gia hay các nhóm này tập trung vào các vấn đề chính trị với luận điểm chung Liên minh Châu Âu làm mất đi tính độc lập của các quốc gia. Trong đó, các đảng xoáy sâu vào tính hợp pháp và bộ máy thiếu tính dân chủ của EU.

Lịch sử phát triển của EU chứng kiến hai luồng tư tưởng khác nhau: một bên là những người thận trọng – luôn bàn lùi trong khi hội nhập là xu thế, và một bên là những người có tham vọng lớn – muốn xây dựng một khu vực EU thống nhất và hòa bình. Cộng đồng Than và Thép được thành lập như một biện pháp hòa giải cho mối quan hệ không êm đẹp của Đức và Pháp sau chiến tranh. Ngay từ những ngày đầu tiên Đức và Pháp đã tận tâm với kế hoạch này. Nhưng nước Anh tham gia vào EEC (1973) với một thái độ hoàn toàn khác. Các thể hệ lãnh đạo của nước Anh luôn nắm bắt mọi cơ hội để ngăn cản nhất thể hóa hoặc ít ra là gây khó dễ cho quá trình này, và đôi khi “khuấy động” hòa khí giữa Đức và Pháp.³⁷ Ví dụ, trong Hiệp ước Schengen năm 1989, Anh đã từ chối tham gia khối này bất chấp những lợi thế do thông thương tạo ra, người Anh như muốn thông báo với cả Châu Âu rằng: họ là một phân tách biệt. Điều tương tự diễn ra khi Hiệp ước Maastricht được dự thảo năm 1991, lần đầu tiên những vấn đề về trách nhiệm và quyền hạn quốc gia được chuyển đổi lên tầm khu vực Châu Âu. Nước Anh cũng bày tỏ sự không đồng tình với sự hội nhập sâu hơn này của nền kinh tế Châu Âu. Một sự kiện nữa, khi Ireland quyết định tham gia vào khối đồng tiền chung Euro, Anh đã phản ứng kịch liệt trước động thái này...

Có lẽ do “truyền thống” không mặn mà với nhất thể hóa Châu Âu, nên nước Anh được coi là “cái nôi” của Chủ nghĩa Chống Nhất thể hóa Châu Âu (Euro scepticism). Sự kiện dẫn tới những bất đồng trong chính nội bộ Anh bắt

³⁷ [26;16]

nguồn từ khi Thủ tướng Anh Edward Heath đồng ý chi 300 triệu Bảng mỗi năm cho Chính sách Nông nghiệp Chung Châu Âu, coi như một khoản lệ phí để gia nhập EEC. Tất nhiên, chính sách này của ông Heath đem lại thành tựu lớn cho nền công nghiệp và mở ra một thị trường rộng lớn cho hàng hóa Anh, nhưng lại vấp phải sự phản đối không ngớt từ phía những thành viên Đảng Bảo thủ. Ngày nay, một vài đảng của Anh cũng đi theo Chủ nghĩa Chống Nhất thể hóa, như Đảng Liên hiệp Anh Độc lập, Đảng Lao động, Đảng Bảo thủ, Đảng Xanh của Anh và xứ Wales³⁸... họ cho rằng, việc Anh tham gia hội nhập vào EU dần dần sẽ không còn chỉ là cam kết về kinh tế, mà Anh sẽ phải chịu thêm những ràng buộc về mặt chính trị.

Tại tất cả các quốc gia EU đều có những Đảng hoặc nhóm chống lại nhất thể hóa. Những cuộc điều tra xã hội năm 2009 cho thấy tỷ lệ người dân các nước ủng hộ việc tham gia EU chiếm 50%, số người không đồng tình chiếm 15%³⁹. Tỷ lệ ủng hộ cao nhất là ở các quốc gia như Luxembourg, Hà Lan, Đức, Tây Ban Nha lên tới 75% số người được hỏi. Tỷ lệ thấp nhất là ở Latvia, Anh, Hungary (chỉ khoảng 25%-32%). Với sự tác động của khủng hoảng nợ công và những hệ lụy nó gây ra, các đảng và nhóm chống nhất thể hóa càng có cơ hội phát triển mạnh, ở Nam Âu nơi người dân cảm nhận rất rõ hậu quả của chính sách thắt lưng buộc bụng, và ở Bắc Âu, khi người dân không hiểu vì sao mình phải chi trả các khoản nợ của những nước Nam Âu.

Các dòng chính trị cực đoan xuất hiện ở hầu khắp các thủ đô Châu Âu. Các đảng Dân túy (từ Mặt trận Quốc gia thiên hữu của Pháp đến Đảng cánh Tả của Đức) lên tiếng phản đối mạnh mẽ các gói cứu trợ cho các quốc gia Nam Âu. Ở Hà Lan, Gert Wilders đã thành công khi đưa Đảng Tự do của mình lên thành Đảng lớn thứ 2 ở nước này bằng luận điểm chống người Hồi giáo và chống nền chính trị Châu Âu.⁴⁰ Trong khi đó các Đảng Cộng sản cũng đang có

³⁸ [25;13]

³⁹ [24;11]

⁴⁰ [41]

xu hướng chiếm được lòng dân trong những cuộc thăm dò dư luận do chính sách phản đối các gói cứu trợ của khu vực đồng tiền chung.

3. Hệ quả tất yếu của quá trình nhất thể hóa

Từ sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên đến những mâu thuẫn giữa mục tiêu nhất thể hóa và quá trình thực hiện những mục tiêu đó, cũng như sự thiếu niềm tin giữa các quốc gia đã gây ra những hệ quả tất yếu như quản lý kinh tế thiếu hiệu quả, không minh bạch về tài chính... Khủng hoảng kinh tế tài chính 2008-2009 đi qua, các quốc gia EU đối mặt những khoản nợ khổng lồ do các quốc gia chi trả cho các vấn đề phúc lợi xã hội khi tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, hay do bong bóng bất động sản gây nên... Lúc này EU, IMF và ECB can thiệp vào các nền kinh tế của những quốc gia để cứu chính vận mệnh của Liên minh kinh tế lớn nhất thế giới này.

Trái ngược với hiện tượng khủng hoảng nợ công khi EU trực tiếp tham gia vào đời sống kinh tế chính trị của các quốc gia (có phần thô bạo), thì các vấn đề như xung đột sắc tộc – chủ nghĩa ly khai, lại bị Liên minh bỏ ngỏ hay làm ngơ cho dù hệ quả của nó ảnh hưởng tất yếu tới quá trình nhất thể hóa Châu Âu. Hầu như ở bất cứ quốc gia nào trong châu lục này đều tồn tại những bất ổn liên quan đến xung đột sắc tộc. Nhưng những vấn đề này EU không hề có chính sách giải quyết mà chỉ đi theo một xu hướng chung – “thống nhất trong sự đa dạng” và để các quốc gia tự giải quyết như một vấn đề nội bộ.

3.1. Khủng hoảng nợ công

Khủng hoảng nợ công là một hệ quả tất yếu từ quá trình nhất thể hóa Châu Âu. EU áp dụng một chính sách tài chính chung cho các quốc gia, trong khi ở mỗi quốc gia tình hình kinh tế chính trị lại có những đặc thù khác nhau. Bên cạnh đó, những mục tiêu kinh tế mà EU đặt ra để tiến tới nhất thể hóa rất khó có thể thực hiện, do đó một vài quốc gia đã có những thủ thuật nhằm che giấu các vấn đề tài chính của mình, gây ra sự thiếu minh bạch trong tài chính quốc gia.

Nguyên nhân khủng hoảng

Thực chất, khủng hoảng nợ công bắt nguồn từ sự mất cân đối trong thu – chi ngân sách các quốc gia. Trong khi nhu cầu chi quá nhiều, mà nguồn thu ngân sách lại quá ít, buộc các chính phủ phải vay tiền thông qua nhiều hình thức như phát hành trái phiếu, công trái, tín dụng... từ đó dẫn đến những khoản nợ công của các quốc gia. Thâm hụt ngân sách kéo dài công thêm những hậu quả của khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009 làm nợ công những nước này tăng cao và lãi suất ngày một lớn.

Ở mỗi quốc gia Châu Âu lại có một nguyên nhân khác nhau dẫn đến những khoản nợ. Trường hợp Hy Lạp, người ta đổ lỗi cho chính phủ đã thiếu minh bạch khi công khai tài chính, làm thủ thuật với các con số dẫn đến hiện tượng nợ “ảo” ít hơn rất nhiều so với nợ thật. Còn ở Ireland nguyên nhân lại đến từ khu vực kinh tế tư khi các ngân hàng cho vay thiếu trách nhiệm dẫn tới bong bóng tài chính và địa ốc bùng nổ, đẩy hệ thống ngân hàng đến bờ vực phá sản. Trong lúc đó chính phủ do muốn cứu hệ thống ngân hàng đã mua hết nợ, biến toàn bộ số nợ tư thành nợ chính phủ. Sau khủng hoảng tài chính, Bồ Đào Nha trở thành nền kinh tế có sức bật kém nhất Châu Âu trong khi nợ công của nước này tăng cao, quản lý nhà nước lại yếu kém nên quốc gia này không có khả năng tự chi trả cho những khoản nợ của mình. Theo dự đoán, Tây Ban Nha và Italy sẽ là những nạn nhân tiếp theo của cuộc khủng hoảng này.

Nhìn chung, tình trạng nợ công hiện nay ở các quốc gia EU đều có một nguyên nhân cơ bản. Đó là việc gia tăng chi tiêu từ ngân sách quốc gia cho các chi phí của hoạt động nhà nước và các chương trình kinh tế, xã hội, văn hóa, y tế... Khủng hoảng kinh tế tài chính buộc các quốc gia phải bội chi ngân sách.⁴¹ Sự yếu kém trong quản lý chi tiêu và quản lý nợ nhà nước lỏng lẻo gây thất thoát, lãng phí, cùng với nạn tham nhũng đã trở thành truyền thống ở các quốc gia Nam Âu cũng là những nguyên nhân quan trọng.

⁴¹ [5;41]

Các nguồn thu không tăng kịp với mức độ chi tiêu. Trong khi đó nguồn thu chính của ngân sách quốc gia là thuế lại chịu nhiều áp lực phải cắt giảm do hoạt động kinh tế trì trệ và do quy định cắt giảm của WTO.

Để lấp đầy các khoản thâm hụt, các quốc gia tìm đến giải pháp vay vốn. Tuy nhiên, đây là giải pháp nguy hiểm khiến các khoản nợ công thêm chồng chất, kéo theo nguy cơ rủi ro tài chính tăng cao. Trên thực tế, đây không còn là câu chuyện dự đoán nữa, mà thực trạng nợ công ở các quốc gia Châu Âu đã chỉ ra mức độ nghiêm trọng của rủi ro tài chính.

Thực trạng khủng hoảng nợ công

Bắt đầu từ nửa sau năm 2009, khủng hoảng nợ công bắt đầu bao trùm lên nhóm 5 quốc gia - PIIGS (gồm có Bồ Đào Nha, Italy, Ireland, Hy Lạp và Tây Ban Nha).

Hy Lạp là nước đầu tiên, cũng là quốc gia lún sâu nhất vào khủng hoảng nợ công. Khi tình trạng thâm hụt tài chính công của quốc gia này tăng vọt lên mức 12.9% GDP, vượt gấp 4 lần mức cho phép của EU là 3% GDP, mức nợ công của Hy Lạp tương đương 236 tỷ Euro chiếm khoảng 115% GDP nước này.⁴² Bước sang năm 2010, tình hình nợ công có diễn biến xấu hơn do chính phủ Hy Lạp tiếp tục “vung tay quá trán” và vẽ ra các bản báo cáo tài chính sai sự thật. Các khoản nợ của Hy Lạp tăng vọt lên mức 300 tỷ Euro. Ngay lập tức cuộc khủng hoảng này tác động tới niềm tin của các quốc gia khác đối với kinh tế Hy Lạp và ảnh hưởng trực tiếp tới các quốc gia đang lâm phải tình trạng khó khăn tài chính như Ireland, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Italy.

Lo sợ hiệu ứng domino, EU và IMF quyết định chi 110 tỷ Euro để cứu nền kinh tế Hy Lạp, bên cạnh đó quốc gia này phải đáp ứng những điều kiện thắt chặt chi tiêu mà EU và IMF đưa ra. Đầu năm 2012, EU và IMF tiếp tục “bơm” 130 tỷ Euro vào thị trường tài chính của Hy Lạp với hy vọng giải quyết phần nào vấn đề nợ công của quốc gia này. Theo dự đoán, kế hoạch khắc khổ

⁴² [11;;4]

này sẽ làm giảm mức thâm hụt của Hy Lạp trong năm 2014 xuống mức 3% GDP.

Ireland là nước tiếp theo xin cứu viện từ EU và IMF. Để cứu hệ thống ngân hàng, chính phủ Ireland đã mua toàn bộ số nợ tư và biến số nợ đó thành nợ công, làm mức thâm hụt tài chính công tăng vọt lên 32% GDP. Cuối cùng do không đủ tiền trả nợ, Ireland đã phải nhờ đến sự cứu viện của EU và IMF, với gói cứu trợ trị giá 85 tỷ Euro. Nhờ sự thắt chặt quản lý, tình trạng của Ireland có phần cải thiện khi kim ngạch xuất khẩu của nước này có xu hướng tăng trở lại.

Bồ Đào Nha là quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế thế giới nên nền kinh tế của nước này không có đủ sức bật để quay đầu phục hồi khi khủng hoảng kết thúc. Chính phủ Bồ Đào Nha thừa nhận, thâm hụt ngân sách năm 2010 của nước này là 8.6% GDP, nợ công tăng lên mức 84% GDP, nghiêm trọng hơn 70% số nợ này là nợ nước ngoài. Do đó, bản thân Bồ Đào Nha không thể tự chi trả các khoản lãi đáo hạn, hưởng hồ là các khoản nợ của mình. Tình trạng nợ công của nước này dự đoán sẽ còn xấu đi, con số sẽ leo lên mức 88% GDP trong năm 2012. EU và IMF đã quyết định đưa gói cứu trợ 78 tỷ Euro để giúp Bồ Đào Nha vượt qua khủng hoảng nợ.

Tây Ban Nha là quân domino tiếp theo trong chuỗi các quốc gia hứng chịu khủng hoảng nợ. Quốc gia này có tỷ lệ tăng trưởng nhanh, chính sách tiền tệ cân bằng, nhưng do những bong bóng nhà đất khổng lồ và các vấn đề liên quan đến các khoản nợ tăng quá nhanh dẫn tới mức thâm hụt ngân sách nước này đạt 11.2% một năm - đứng thứ 3 trong Eurozone.⁴³ Tình trạng của Italy cũng nghiêm trọng không kém. Nền kinh tế đứng thứ 3 Châu Âu này đang đối mặt với số nợ nhà nước khổng lồ 1.600 tỷ Euro chiếm khoảng 119% GDP. Nền kinh tế này bị cảnh báo có nguy cơ vỡ nợ rất cao. Tuy nhiên, cả Tây Ban Nha và Italy chưa phải nhận khoản viện trợ nào từ EU và IMF, nhưng thay vào đó EU đã can thiệp khá mạnh tay vào chính trường các nước này (không chỉ với Italy và Tây Ban Nha, mà cả 5 nước PIIGS), yêu cầu các nhà lãnh đạo đương

⁴³ [11;7]

thời phải từ chức và thay vào đó là các nhà kỹ trị. Những nhà cầm quyền mới này đối mặt với nhiều khó khăn, không những phải vượt qua rào cản của các đảng phái chính trị trong nước, mà còn tiến hành thực hiện các chính sách vực dậy nền kinh tế trì trệ của mình.

Bước lùi của tiến trình nhất thể hóa

Cuộc khủng hoảng nợ công làm cho bản thân người Châu Âu và thế giới mất đi niềm tin vào đồng tiền chung và nền kinh tế những tương là vững chắc của EU. Từ khi ra đời đến nay, đồng Euro chưa từng bị lung lay như lúc này khi người ra đặt ra câu hỏi liệu đồng tiền này có thể trụ vững qua cuộc khủng hoảng hay không?

Khó khăn lớn nhất của EU trong hiện đại là thiết lập được cơ chế phối hợp quản lý tài chính bài bản và thống nhất. Trong khi, Ngân hàng Trung ương ECB không được cung cấp đủ quyền lực và công cụ tài chính để giải quyết tình hình, dẫn đến phản ứng chậm chễ của EU trước những biến động của thị trường tài chính. Thêm vào đó, có chế đồng thuận của Eurozone⁴⁴ bộc lộ những mặt trái nguy hiểm, có thể là công cụ để một quốc gia chống lại toàn bộ liên minh.

Hiện nay, nội bộ của EU đang bị chia rẽ trầm trọng khi khủng hoảng lòng tin giữa các quốc gia tăng lên đến đỉnh điểm. Trong khi một vài ý tưởng “thoái lui” đã xuất hiện: Hy Lạp buộc phải rời khỏi khối Eurozone, hoặc một vài nước xin rút khỏi khối kinh tế chung. Thực sự đây sẽ là bước lùi của nhất thể hóa Châu Âu, bởi lẽ hệ lụy của giải pháp này sẽ không chỉ ảnh hưởng tới riêng một quốc gia mà còn ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn khu vực và là sự cáo chung của khối Eurozone!

Chính sách thắt lưng buộc bụng khiến gây ra nhiều hậu quả cho nền kinh tế các quốc gia Châu Âu. “Liều thuốc” này có tác dụng nhanh đối với các nền kinh tế đang gặp khủng hoảng, tuy nhiên về lâu dài sẽ kìm hãm sự phát triển của các nước này và kếp tụt khả năng sản xuất của các nước Bắc Âu.

⁴⁴ Cơ chế yêu cầu các nước đều nhất trí khi thông qua một vấn đề.

Nhìn chung, EU cần thiết phải xem xét lại phương thức quản lý tài chính của khu vực này qua đó có những cải tổ cho nền kinh tế phát triển bền vững hơn trong tương lai.

3.2. Xung đột sắc tộc

EU khoác lên mình một “bộ áo văn hóa”, một thứ văn hóa mà các nhà hoạch định và các nhà lãnh đạo gọi là “Văn hóa Châu Âu” đi kèm với khái niệm “Con người Châu Âu”. Tuy nhiên, lớp áo này chỉ để che phủ lên những vấn đề xung đột sắc tộc mà EU không muốn nhắc tới nhưng cũng không muốn (hay không thể) gạt bỏ và giải quyết dứt điểm được. Vấn đề xung đột sắc tộc bắt nguồn từ lịch sử lâu đời của Châu Âu và dường như câu chuyện về xung đột sắc tộc trong khu vực này được gói gọn trong quy mô quốc gia, chứ không phải là vấn đề mà toàn liên minh cần giải quyết. Trong hầu khắp các quốc gia Châu Âu đều ẩn chứa những xung đột về sắc tộc. Đa phần những xung đột này bắt nguồn từ chính những khác biệt vùng miền và sự va chạm cũng những khác biệt đó trong suốt chiều dài lịch sử Châu Âu. Những xung đột sắc tộc trong Châu Âu có biểu hiện cực độ chính là chủ nghĩa ly khai.

Xung đột sắc tộc ở các nước thành viên EU

Xứ Basque từng là một vùng đất tự trị rộng lớn ở Tây Ban Nha từ xa xưa. Nhưng thời kì cầm quyền độc tài của Francisco Franco đã tước mất quyền tự trị của người Basque. Tổ chức Ly khai xứ Basque (ETA) tiến hành đòi độc lập thông qua các cuộc thương lượng với chính phủ, tuy nhiên tổ chức này lại dính líu tới những vụ đánh bom liều chết, trong đó có cả cuộc đánh bom khủng bố tại nhà ga Madrid⁴⁵. Do đó, chính phủ Tây Ban Nha không muốn ủng hộ tiến trình này. Cho đến khi sự kiện Kosovo tuyên bố độc lập nổ ra, các đảng phái ly khai của người Basque và Catalonia ngay lập tức tuyên bố sẽ truyền bá độc lập cho vùng đất của họ.

Tại đảo Corse – Pháp, hơn 30 năm nay luôn xảy ra những vụ mưu sát, bạo lực với xu hướng ly khai khỏi sự cai quản của Paris. Các phần tử ly khai

⁴⁵ [18]

của ở đảo Corse theo phong trào dân tộc cực đoan đang hoạt động mạnh đòi độc lập như trong trường hợp của Cyprus (Síp) và Malta. Tại vùng Bretagne và Alsace của Pháp cũng có những lực lượng mong muốn ly khai khỏi chính quyền Paris. Tuy nhiên, chính quyền Pháp cũng khá mạnh tay với những hành động đòi ly khai của các phân tử cực đoan.

Một trong những quốc gia Châu Âu hứng chịu xung đột sắc tộc sâu sắc nhất là Bỉ. Là đất nước nằm trong biên giới văn hóa giữa văn hóa German và Latin, Bỉ có hai nhóm người chính là người Flemish và người Francophone⁴⁶. Do hai nhóm người tồn tại song song và có xung đột với nhau nên Bỉ hiện tại chia thành hai vùng đất lớn là vùng Flanders của người Flemish và vùng Wallonia của người Francophone. Những xung đột của hai nhóm người này bắt đầu tăng mạnh từ nửa sau thế kỉ 20, bắt nguồn từ những khác biệt văn hóa giữa hai dân tộc và lan sang vấn đề chính trị khi các đảng chính trị của Bỉ đã chia rẽ thành các thành phần diện cho lợi ích chính trị của 2 cộng đồng chính. Những mâu thuẫn này càng thêm sâu sắc dẫn tới khủng hoảng chính trị tại Bỉ. Đầu năm 2011, cuộc khủng hoảng chính trị này đã lên đến đỉnh điểm, khi Bỉ rơi vào tình trạng “vô chính phủ” đến gần 1 năm. Nguyên nhân là do những bất đồng giữa liên minh cánh tả của cộng đồng Francophone và các đảng cánh hữu Flemish leo thang dẫn đến việc đàm phán thành lập chính phủ liên minh bị đình trệ.

Các quốc gia kể trên đều là thành viên lâu đời của Liên minh châu Âu. Xung đột sắc tộc ở những khu vực này có thể điều hòa những chưa thể giải quyết dứt điểm. Tuy nhiên, nhìn xa hơn vào quá trình nhất thể hóa của Châu Âu, việc EU mở rộng sẽ làm cho tình hình xung đột sắc tộc càng thêm phần phức tạp và chông chát.

Xung đột sắc tộc ở các nước Châu Âu khác

Diễn hình nhất là những quốc gia đang “xếp hàng” để gia nhập Liên minh Châu Âu như Thổ Nhĩ Kỳ hay nhóm các quốc gia khu vực Balkan (bao gồm: Serbia, Croatia, Macedonia, Montenegro) cũng đối mặt với rất nhiều xung

⁴⁶ Cộng đồng người nói tiếng Hà Lan và Cộng đồng người nói tiếng Pháp.

đột sắc tộc trong lòng đất nước mình. Nếu các quốc gia này gia nhập EU trong thời gian tới, Liên minh này sẽ gặp phải nhiều khó khăn hơn nữa.

Có thể coi Balkan là khu vực bất ổn nhất trong suốt chiều dài lịch sử của châu Âu. Nằm trên vùng giáp ranh giữa các vùng miền văn hóa và giữa các nước lớn, đây luôn là phạm vi tranh giành ảnh hưởng của các phe phái trong các thời kì. Cộng thêm vào đó là tinh thần dân tộc mạnh mẽ của người Serbia làm cho tình hình khu vực này luôn phức tạp và khó giải quyết.

Sau hai cuộc chiến tranh thế giới, khu vực Balkan có những thay đổi bước ngoặt, khi các quốc gia được tự trung và hình thành một cộng đồng thống nhất của các dân tộc Nam Slav. Dưới chính quyền của Tổng thống Tito, với chính sách dân tộc cân bằng và bối cảnh chiến tranh lạnh, Nam Tư (gồm 6 nước cộng hòa và 2 khu tự trị) có tình hình kinh tế khả quan và các mâu thuẫn sắc tộc dịu xuống nhưng thực sự chưa được giải quyết triệt để.

Những năm 80, tình hình kinh tế của Nam Tư không còn duy trì được ổn định, ngay lập tức căng thẳng xã hội leo thang trong đó nổi bật nhất là mâu thuẫn sắc tộc. Đầu tiên là sự gia tăng của chủ nghĩa dân tộc Serbia, với sự dẫn dắt của Milosevic – với chính sách phân biệt đối xử giữa các dân tộc. Sự kiện này vô hình chung đã châm ngòi cho xung đột sắc tộc âm ỉ và phá vỡ Liên bang Nam Tư. Milosevic cũng hủy quyền tự trị của hai khu vực là Kosovo và Vovoidin dẫn đến hành động trả đũa của người Albani và kéo theo cả những cuộc chiến tranh li khai dai dẳng của các quốc gia trong Nam Tư cũ. Làn sóng nổi dậy ở Kosovo bùng lên với các cuộc đấu tranh đòi độc lập của người Albani chống lại lực lượng người Serbia đã dẫn đến cuộc thảm sát người Albani năm 1999.⁴⁷ Đây cũng là lúc những mâu thuẫn sắc tộc trong Balkan không thể dung hòa và Phương Tây đã tham gia vào chính sự khu vực này. NATO cũng lao vào cuộc chiến chống Serbia và làm cho xung đột sắc tộc giữa các nhóm người trong khu vực càng trở nên rối ren. Trong vấn đề Kosovo người ta còn nhận thấy ý chí của người Nga không muốn cho Kosovo độc lập và thành lập chính

⁴⁷ [14]

quyền với sự giúp đỡ của các nước Châu Âu và Mỹ. Vì những xung đột sắc tộc đó mà việc gia nhập EU của các nước này cũng sẽ gặp những khó khăn nhất định. Nhưng EU mới là bên cần phải cân nhắc kĩ trước khi đưa nhóm nước này trở thành thành viên của Liên minh. Bởi lẽ, những xung đột sắc tộc này rất khó để giải quyết. Nếu như trong trường hợp của Bỉ, hay người xứ Basque hoặc đảo Corse đòi độc lập chính quyền của các quốc gia còn có thể tự mình giải quyết hoặc ít ra là tạo ra độ ổn định nhất định trong xã hội, thì vấn đề Balkan hoàn toàn không dễ kiểm soát như vậy. Do đó, cân nhắc kĩ trước khi nhận thêm “rắc rối” vào mình sẽ là bài toán mà EU phải giải trên con đường tiến tới nhất thể hóa.

Tại Thổ Nhĩ Kỳ – quốc gia đang tích cực đàm phán để ra nhập Liên minh Châu Âu – vấn đề xung đột sắc tộc cũng không kém phần phức tạp so với vấn đề Kosovo tại Balkan. Có ba vấn đề mà chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và EU cần phải giải quyết dứt điểm trước khi quốc gia này tham gia vào Liên minh. Trước hết là giải quyết những vấn đề liên quan tới vụ thảm sát Armenia – một vấn đề của quá khứ nhưng làm ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ của Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Tây Âu, đặc biệt là Pháp⁴⁸. Lý do ở đây là chính quyền quốc gia này không công nhận cuộc thảm sát người Armenia năm 1915 là một hành động diệt chủng và né tránh vấn đề này trong một thời gian dài. Vấn đề thứ hai mà Thổ Nhĩ Kỳ phải giải quyết đó là vấn đề tại đảo Cyprus (Síp) đây là khu vực tranh chấp lịch sử giữa Hy Lạp – Thổ Nhĩ Kỳ. Kết quả là hiện nay Đảo Síp bao gồm một nước Cộng hòa Síp theo đường lối dân chủ lập hiến, hiện là thành viên của Liên minh Châu Âu và nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ miền Bắc Síp với sự giúp đỡ, hậu thuẫn của Thổ Nhĩ Kỳ. EU cũng từng đưa ra đề nghị thống nhất của hai khu vực này, tuy nhiên vấp phải sự phản đối của Cộng hòa Síp do những rào cản tâm lý sâu sắc. Vấn đề thứ ba cũng là vấn đề xung đột sắc tộc nhức nhối nhất tại Thổ Nhĩ Kỳ - vấn đề người Kurd. Người Kurd là một bộ phận dân tộc lớn thứ tư tại Trung Đông, sống rải rác khắp khu vực Syria, Iran,

⁴⁸ [19]

Iraq, Thổ Nhĩ Kỳ.⁴⁹ Do đó họ là một bộ phận dân tộc thiểu số tại quốc gia Thổ. Nhìn vào lịch sử, người Kurd đã từng bị đàn áp mạnh mẽ ở đất nước này, vì vậy mối quan hệ giữa hai dân tộc này thực tế chỉ là gượng ép và những vấn đề biên giới, sắc tộc vẫn luôn khiến tình hình trở nên căng thẳng, dẫn đến những cuộc xung đột đẫm máu tại khu vực này. Nhất là sau khi Đảng Công nhân Người Kurd (PKK) ra đời năm 1970, tình trạng bạo lực trong khu vực càng phát triển mạnh gây ra những xung đột nghiêm trọng giữa PKK và chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Để giải quyết vấn đề người Kurd – dân tộc lớn nhất thế giới không có Nhà nước – Thổ Nhĩ Kỳ có thể sẽ phải đáp ứng yêu cầu thành lập quốc gia Kurdistan. Qua đó, có thể tạo nên làn sóng hướng về Nhà nước Kurdistan của người Kurd sống rải rác ở các nước như Iraq, Iran, Syria...

Hệ lụy của chủ nghĩa ly khai đối với quá trình nhất thể hóa

Quá trình tiến tới nhất thể hóa của Châu Âu được hoạch định rất rõ ràng với đầy đủ các mục tiêu về mặt kinh tế, chính trị, và xã hội. Trong đó, EU luôn tự hào với nền văn hóa rất giàu bản sắc và đa dạng của mình, coi đó là nền tảng chung để gắn kết các quốc gia Châu Âu thành một thể thống nhất. Tuy nhiên, chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa ly khai ở châu lục này lại có xu hướng đi ngược lại mong muốn của các nhà lãnh đạo. Các chuyên gia dự đoán rằng, trong thế kỷ XXI hàng loạt những quốc gia mới sẽ ra đời tại Châu Âu. Nếu EU còn coi việc đối phó với những cuộc bạo loạn gây bất ổn chính trị của các nhóm ly khai đòi độc lập là công việc nội bộ của các quốc gia mà không có bất cứ một biện pháp hay mục tiêu nào để giải quyết, thì Châu Âu nói chung và EU nói riêng sẽ còn gặp những bất đồng và mâu thuẫn sâu sắc giữa các quốc gia cũ và các quốc gia mới ly khai (trong trường hợp được công nhận độc lập) hoặc khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề xung đột sắc tộc vẫn tiếp tục chất chồng. Những chính sách của EU vẫn nằm chung chung trong việc “tôn trọng và thúc đẩy những đa dạng văn hóa”⁵⁰, điều đó liệu có đồng nghĩa với việc thúc đẩy văn hóa vùng miền và làm tăng sức mạnh cho chủ nghĩa dân tộc của các nhóm

⁴⁹ [38]

⁵⁰ [27;13]

người hay các quốc gia, hay chỉ dừng lại ở các chương trình trao đổi các sản phẩm và tác phẩm văn hóa giữa các nước Châu Âu?

4. Mâu thuẫn EU với Nga và Mỹ trong tiến trình mở rộng

Tiến trình mở rộng EU sang phía Đông là một phần trong quá trình tiến tới nhất thể hóa. Sau Chiến tranh Lạnh, một bối cảnh thuận lợi đã đẩy nhanh quá trình hội nhập của các nước Trung và Đông Âu vào EU. Quá trình mở rộng này sẽ tác động đến mối quan hệ của EU và hai nước lớn đó là Nga và Mỹ, nhất là trên phương diện an ninh. Giữa Nga và EU tồn tại một mối quan hệ nhiều mâu thuẫn, do đó việc EU mở rộng sẽ đem lại những lợi ích và cả những bất đồng khó giải quyết.

Còn về quan hệ với Mỹ, EU đang có xu hướng độc lập hơn trong vấn đề bảo đảm an ninh Châu Âu, theo đúng tiêu chí “người Châu Âu giải quyết các công việc Châu Âu”. NATO và EU là hai thể chế có chung 21 thành viên, được ví như hai anh em sinh đôi có cơ thể dính chặt vào nhau những hai cái đầu lại không cùng suy nghĩ.⁵¹ Mối quan hệ này cũng sẽ gây khó khăn trong EU trong thời gian tới do những mâu thuẫn nhất định về lợi ích an ninh khu vực.

4.1. Bối cảnh mở rộng EU sang phía Đông

Bức tường Berlin sụp đổ tháng 11 năm 1989 đánh dấu sự tan rã của khối các quốc gia XHCN ở Đông Âu. Sự kiện này cũng mở đầu cho một thời kỳ hội nhập mới ở Châu Âu. Kể từ thời điểm đó, các quốc gia EU và các nước ứng cử viên đều nỗ lực không ngừng nghỉ để chuẩn bị cho sự mở rộng lớn nhất trong lịch sử EU. Quan hệ đối tác giữa các nước đặt ưu tiên hàng đầu là việc thực hiện những tiêu chuẩn cơ bản để phục hồi nền kinh tế chính trị các quốc gia CEECs trước khi các nước này gia nhập EU.

Việc mở rộng EU không những mang ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị của các nước Trung và Đông Âu mà nó còn đánh dấu sự phát triển của liên minh về phía Đông – lấp đầy khoảng “chống” địa lý trong

⁵¹ [29]

không gian hậu Xô Viết. Tầm ảnh hưởng của EU đã vươn xa ra khỏi những nước Tây Âu tới tận phía Đông Âu. Sự kiện này trực tiếp ảnh hưởng tới mối quan hệ của EU và Nga, và gián tiếp ảnh hưởng đến quan hệ EU – Mỹ trong vấn đề an ninh (liên quan tới NATO).

4.2. Tác động của mở rộng EU

Đối với Nga

Quan hệ giữa Nga và EU đầu thế kỷ XXI đều hướng tới quan hệ hợp tác bền chặt hơn, do chia sẻ cùng mối quan tâm và cùng lợi ích về các vấn đề của thế giới và các vấn đề trong khu vực. Các vấn đề hai bên quan tâm như: chống khủng bố, chống bá quyền, vị trí của EU và Nga trong trật tự thế giới mới, hay những vấn đề an ninh Châu Âu, xung đột sắc tộc cục bộ... Tuy nhiên, giữa Nga và EU vẫn tồn tại những bất đồng không dễ giải quyết.

Về cơ bản, Nga ủng hộ sự mở rộng của EU, nhưng việc liên minh thâm nhập ngày càng sâu vào các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ – khu vực ảnh hưởng truyền thống của Nga đã động chạm vào “lợi ích” của Nga trong khu vực. Nhất là “Chương trình đối tác phương Đông” của EU nhằm tăng cường quan hệ với các nước thuộc SNG⁵². Mục tiêu của chương trình này là mở rộng hợp tác kinh tế, chính trị giữa 27 nước EU với các nước này. Để trấn an Nga, EU khẳng định chương trình này không nhằm mục đích chống lại Nga. Nhưng phía Nga không bị thuyết phục, Tổng thống Medvedev tuyên bố: “Chúng tôi không muốn chương trình đối tác phương Đông biến thành hiệp hội chống Nga”.

Vấn đề an ninh năng lượng cũng gây mâu thuẫn giữa hai bên. Trong khi Nga muốn thông qua một thỏa thuận năng lượng mới thay thế cho Hiến chương Năng lượng năm 1991⁵³ nhằm mục tiêu đảm bảo năng lượng cho các quốc gia trong tương lai, thì EU không tỏ ra hào hứng với kế hoạch này. Tuy không có

⁵² Bao gồm: Ukraine, Moldova, Georgia, Armenia, Belarus và Azerbaijan.

⁵³ Bản Hiến chương Năng lượng được 49 nước và EU phê chuẩn năm 1991, là bộ quy tắc về việc hợp tác giữa các hệ thống năng lượng của Đông Âu và Tây Âu.

thái độ phản bác, nhưng EU khẳng định không có lý do gì để thay đổi hoàn toàn bản hiến chương.

Nga và EU còn gặp bế tắc trong đàm phán về Hiệp định Đối tác và Hợp tác giữa Nga và EU (PCA)⁵⁴. Cho đến nay, cả Nga và EU đều cho rằng hiệp định này không còn phù hợp với thực tế và cần thiết phải sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, sau một thời gian dài đàm phán, hiệp định mới vẫn chưa được triển khai. Nguyên nhân là do hai bên có những lợi ích kinh tế quá khác biệt. EU muốn PCA bao gồm các điều khoản chi tiết, lộ trình cụ thể, trong khi Nga cho rằng, một bản hiệp ước quá chi tiết sẽ cản trở sự linh hoạt trong hợp tác giữa hai bên. Bên cạnh đó, Nga cũng yêu cầu điều khoản linh hoạt cho phép sửa đổi hiệp định khi cần thiết. Nhưng đây là điều kiện bất khả thi đối với EU, bởi lẽ khi một điều ước được sửa đổi cần phải thông qua sự đồng ý của cả 27 nước thành viên với cơ chế đồng thuận chung.

Vấn đề nóng hổi và gây tranh cãi nhiều nhất trong quan hệ EU – Nga là vấn đề độc lập của Abkhazia và Nam Ossetia. Cuộc chiến 8 ngày tại Georgia làm quan hệ giữa Nga và EU đóng băng. Cho đến nay, tuy vấn đề đã lắng dịu nhưng đây vẫn là trở ngại trong quan hệ hai bên. EU cương quyết đòi hỏi các quan sát viên của mình có quyền hoạt động trong phần lãnh thổ của Abkhazia và Nam Ossetia, nhưng Nga luôn bác bỏ đề nghị này và cho rằng đây là xâm phạm lãnh thổ hai quốc gia độc lập. Ngoài ra, giữa Nga và EU còn tồn tại bất đồng xung quanh việc Nga đề nghị cấm bán vũ khí cho Georgia và EU phản đối Nga lập căn cứ quân sự tại Nam Ossetia.

Tuy tồn tại nhiều bất đồng do có những quan điểm và lợi ích trái ngược nhau trong các vấn đề, Nga và EU vẫn có nhu cầu hợp tác và phát triển sâu hơn trong các lĩnh vực. Để vượt qua những rào cản đó, EU và Nga phải nỗ lực rất lớn trong tương lai, hướng tới một “Châu Âu lớn” và thống nhất hơn.⁵⁵

⁵⁴ Hiệp định được kí năm 1997 giữa Nga và EU tạo cơ sở pháp lý cho hợp tác hai bên.

⁵⁵ [7;19]

Đối với Mỹ

Quan hệ giữa Mỹ và Châu Âu được coi là mối quan hệ đồng minh thân cận từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Để có một EU lớn mạnh như ngày hôm nay một phần lớn là nhờ những kế hoạch kinh tế của Mỹ dành cho Châu Âu. Trong hợp tác an ninh giữa Mỹ và Châu Âu không thể không nhắc tới NATO. Việc thành lập NATO ban đầu nhằm mục tiêu chống chủ nghĩa cộng sản và kiềm chế sức mạnh của Đức khi nước này phục hồi.

Tuy nhiên, việc thành lập nên NATO cũng làm Tây Âu mất đi vị trí thống trị của mình trong các vấn đề an ninh khu vực. Nhưng do tiềm lực yếu sau chiến tranh thế giới thứ 2, các quốc gia Tây Âu đã chấp nhận NATO và để Mỹ đảm bảo an ninh cho khu vực của mình.

Sau Chiến tranh Lạnh, cục diện thế giới hoàn toàn thay đổi, những mục tiêu ban đầu của của NATO cũng không còn: Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ, còn nước Đức giờ đã gắn chặt lợi ích của mình với Tây Âu. Đồng thời tiềm lực của các nước Tây Âu đã mạnh hơn rất nhiều so với thời điểm năm 1949 khi NATO được thành lập. Do đó một xu thế mới xuất hiện trong quan hệ giữa EU và Mỹ xung quanh vấn đề NATO: Châu Âu của người Châu Âu, được dẫn dắt bởi Pháp và Đức. Liên minh Châu Âu đang dần tiến tới hội nhập sâu và rộng hơn trong khu vực với một loạt lần mở rộng EU sang Trung và Đông Âu. Ngoài những yếu tố về kinh tế, ta cũng có thể thấy rõ ý đồ của EU trong việc cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ và Nga trong khu vực này. Nói cách khác, EU đang tìm cách nâng cao vai trò và tiếng nói của mình trong khu vực Châu Âu. Việc mở rộng EU lấp đầy khoảng trống trong không gian hậu Xô Viết ở các nước Trung và Đông Âu, và đưa các quốc gia này vào “khung” phát triển kinh tế - chính trị của EU.

Nhưng ở Châu Âu cũng tồn tại quá trình “mở rộng kép”: EU mở rộng và NATO mở rộng. Và hai quá trình này có phần không trùng khớp, tạo ra những mâu thuẫn trong quan hệ của chính các quốc gia EU với nhau. Trong khi EU mở rộng kinh tế và chính trị ra các nước CEECs bởi nguyên nhân Liên minh

mong muốn tạo dựng được vùng ảnh hưởng của riêng mình và thoát khỏi cái bóng của Mỹ, thì quá trình mở rộng NATO đã khắc sâu vào sự chênh lệch giữa các quốc gia, vì các quốc gia CEECs có xu hướng thân Mỹ sau chiến tranh Lạnh. Điều này thực tế đã làm hai quá trình mở rộng này có lợi ích ngược nhau. Ví dụ điển hình cho sự chênh lệch này là trong cuộc chiến Iraq, khi các nước Tây Âu – điển hình là Đức và Pháp – phản đối còn đa số các nước mới gia nhập lại đồng tình ủng hộ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra sự phân tách giữa Đông và Tây Âu, phần nào làm ảnh hưởng tới quá trình nhất thể hóa Châu Âu.

Nhìn chung, EU có xu hướng độc lập khỏi Mỹ trong các vấn đề an ninh, nhất là khi đã đạt được những thành tựu kinh tế đáng kể và tiến đến hội nhập sâu rộng hơn trong khu vực. Nhưng Mỹ vẫn sẽ tìm cách để hiện diện ở khu vực này do (1) mối quan hệ giữa EU-Mỹ là quan hệ đồng minh thân cận, và (2) Mỹ vẫn cần phòng bị an ninh trong trường hợp Nga có động thái trỗi dậy. Có thể khẳng định, cho dù trong thời gian qua, Mỹ không mấy mặn mà đối với tình hình EU do tập trung sức mạnh của mình sang các khu vực khác, nhưng người Mỹ sẽ không để người châu Âu tự giải quyết các vấn đề của Châu Âu. Mỹ nhấn mạnh rằng: “NATO cần tiếp tục đóng vai trò lãnh đạo để thúc đẩy một Châu Âu an ninh và thống nhất hơn nhằm chuẩn bị đối phó với những thách thức mới.”⁵⁶

TIỂU KẾT

Nhìn chung, quá trình nhất thể hóa của Châu Âu là một mục tiêu tốt đẹp mà không phải nhóm nước nào, châu lục nào cũng có thể thực hiện. Không những đạt được một nền móng cơ bản cho nhất thể hóa, các quốc gia Châu Âu còn tiến những bước quan trọng để đẩy quá trình này ngày một sâu rộng. Tuy nhiên, bản thân quá trình nhất thể hóa tồn tại những vấn đề và những vấn đề lại tiếp tục nảy sinh những vấn đề khác. Trong khi chênh lệch trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên là một điều không thể tránh khỏi, thì quá trình nhất

⁵⁶ [28;37]

thể hóa Châu Âu càng làm cho những chênh lệch này thêm trầm trọng. Việc mở rộng EU vô hình chung không làm cho khối này phát triển sâu hơn mà làm “loãng” các giá trị nhất thể hóa của liên minh. Chênh lệch trình độ phát triển cũng gây ra nhiều hậu quả khác như bất bình đẳng giữa các quốc gia, chính sách chung của EU trở nên không hợp lý khi áp dụng riêng lẻ vào từng nước. Thêm vào đó là cơ chế quản lý của EU là khởi nguồn cho sự buông lỏng quản lý của các quốc gia, dẫn đến hậu quả tất yếu là khủng hoảng nợ công. Quá trình nhất thể hóa vô hình chung là mờ nhạt đi vai trò của các quốc gia trong việc đưa ra các quyết định, do các nước này phải tôn trọng luật EU, coi luật EU cao hơn luật quốc gia. Nhưng khi động tới các vấn đề nóng hổi như xung đột sắc tộc và tôn giáo, thì EU lại cho rằng đây là công việc nội bộ của các nước thành viên.

Những mâu thuẫn tồn tại chông chéo nhau và đan xen lẫn nhau, làm cho việc giải quyết chúng càng thêm phức tạp. Thứ nhất, do các nước có trình độ rất chênh lệch nhau, về cả trình độ phát triển lẫn nhận thức, do đó dẫn tới những lợi ích khác biệt khi giải quyết các vấn đề. Thứ hai, do trong chính cơ chế của EU có những quy định cứng nhắc về việc xử lý các vấn đề, khiến cho EU phản ứng chậm chạp khi có sự kiện bất ngờ xảy ra. Giả sử, nếu các vấn đề nóng như khủng hoảng nợ công và xung đột sắc tộc – chủ nghĩa ly khai được giải quyết dứt điểm, thì những vấn đề ở tầng nấc sâu hơn như chênh lệch phát triển, hay mâu thuẫn trong quá trình thực hiện mục tiêu nhất thể hóa dường như không thể giải quyết trong một sớm một chiều. Nhưng EU cần thiết phải vượt qua những rào cản này để tiến tiếp trên con đường nhất thể hóa.

CHƯƠNG III: TRIỂN VỌNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Con đường tiến tới nhất thể hóa là một con đường dài, đầy gian nan và thách thức. Các quốc gia EU cần thiết phải giải quyết các vấn đề mà mình đang gặp phải để cùng hướng tới mục tiêu nhất thể hóa khu vực Châu Âu. Tuy nhiên, việc giải quyết các vấn đề này là không đơn giản do cách tiếp cận của các thành viên với các vấn đề rất khác biệt.

1. Cơ sở đánh giá vấn đề

Qua những phân tích ở chương II, ta có thể thấy rõ quá trình nhất thể hoá EU đang bị “cản đường” bởi nhiều nguyên nhân xuất phát từ nhiều giai tầng khác nhau trên con đường phát triển. Trong đó, có những vấn đề không thể giải quyết một sớm một chiều do phát sinh trong nội tại những hoạt động pháp lý của EU và cả những vấn đề mang tính “cấp bách”, yêu cầu các quốc gia thành viên – đặc biệt là các thành viên chủ chốt có những hành động tích cực để hoá giải những “vết nứt”. Với khuôn khổ giới hạn, khoá luận sẽ đánh giá hai vấn đề nổi cộm hiện nay của Liên minh Châu Âu, đó là: *Nợ công* và *Sung đột sắc tộc*. Cả hai vấn đề này đều đang làm chia rẽ sâu sắc nội bộ EU tuy nhiên tương lai giải quyết những vấn đề này triệt để là rất khó.

1.1. Vấn đề nợ công - Những hành động cứu khu vực đồng Euro – Mâu thuẫn giữa các quốc gia

Cuộc khủng hoảng nợ công làm bộc lộ mọi yếu kém của EU nói chung và các nước thành viên nói riêng. EU vẫn miệt mài chạy theo việc cứu vãn các nền kinh tế trong khu vực Eurozone nhằm thoát khỏi hiệu ứng domino, nhưng tình hình không mấy khả quan. Có thể thấy, EU đưa ra 3 giải pháp chính để giải quyết tình hình này: (1) biến Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) thành cơ quan cho vay tối hậu; (2) phát hành trái phiếu Châu Âu (Eurobond) hoặc tăng giá trị của Quỹ Bình ổn Tài chính Châu Âu (EFSF) lên mức 1.000 tỷ Euro; và (3) bắt đầu tung các gói cứu trợ cho các nền kinh tế sa lầy.

Tuy nhiên, khi đã đề ra ba gói giải pháp rất rõ ràng và mang tính thực dụng cao này, EU vẫn còn chần chừ trong việc thực hiện các giải pháp đó. Bởi lẽ mọi liều thuốc đều có phản ứng phụ.

Phải đến thời hạn chót trong cuộc họp Thượng đỉnh EU vừa qua (10/2011), đồng Euro mới được cứu trong gang tấc. ECB cuối cùng đã quyết định sẽ mua hết nợ của các quốc gia rơi vào tình trạng nợ công do mong muốn tìm lại sự ổn định tài chính cho khu vực Eurozone và tránh tương lai một quốc gia nào đó phải quay lại sử dụng đồng tiền (cũ) của mình. Cùng lúc đó, các nước thành viên quyết định tăng mạnh khối lượng tiền cho EFSF với sự hậu thuẫn của IMF và tiền vay từ các nước trong nhóm BRIC.⁵⁷

Nguy cơ đổ vỡ của đồng Euro

Với những khó khăn kinh tế chồng chất, nền kinh tế Châu Âu đứng trước hai khả năng: (1) đồng Euro sụp đổ; và (2) cứu được đồng Euro và giải quyết các hậu quả kinh tế.

Các chuyên gia kinh tế và tài chính cho rằng khả năng sụp đổ đồng Euro sẽ là “mẹ của mọi thảm họa tài chính”.⁵⁸ Một khi đồng Euro không còn tồn tại nó không chỉ làm ảnh hưởng đến thành viên Eurozone, mà hơn thế nữa nó sẽ dẫn đến các hậu quả về kinh tế, xã hội và chính trị đối với Châu Âu và toàn cầu. Đối với các nền kinh tế yếu kém (như các nước nhóm PIIGS) hậu quả tài chính sẽ rất lớn. Hy Lạp sẽ tái sử dụng đồng tiền Drachma với giá trị bị sụt giảm mạnh, trong khi nợ công của Hy Lạp trước đây tính bằng đồng Euro, dẫn đến hệ quả là khoản nợ của Hy Lạp sẽ ngày càng “phình to” và khả năng chi trả của chính phủ là rất thấp. Ngân hàng ECB và hệ thống Ngân hàng các nước Châu Âu có nguy cơ khủng hoảng do mua quá nhiều nợ từ các nước PIIGS. Bên cạnh đó, khả năng các quốc gia khác bị kéo vào vòng khủng hoảng là không tránh khỏi. Những cái tên tiếp theo có thể là Pháp, thậm chí là Đức – nền kinh tế đầu tàu của Châu Âu. Sự đổ vỡ của liên minh do những mâu thuẫn chính trị, kinh tế, xã hội tăng cao mà không giải quyết được.

⁵⁷ Nhóm các nền kinh tế mới nổi, bao gồm: Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc.

⁵⁸ [17]

Một khi Eurozone sụp đổ, các nước Bắc Âu và Đức sẽ quay trở lại với đồng tiền vốn đã có nhiều tiềm năng của mình. Những đồng tiền này có giá trị cao do những lợi thế từ việc phát triển bền vững của nền kinh tế các quốc gia này. Ví dụ như đồng D-mark của Đức có thể tăng vọt giá trị lên mức 40%, thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa của nước này. Trong khi đó, như đã nói ở trên các quốc gia Nam Âu (trong đó có các nước nhóm PIIGS) sẽ gặp khó khăn hơn nhất, thanh khoản đồng tiền cũ của nhóm nước này sẽ gần bằng 0⁵⁹, lạm phát tăng mạnh do thuế nhập khẩu tăng để bảo hộ nền sản xuất trong nước.

Hệ quả chính trị cũng là không tránh khỏi nếu Eurozone sụp đổ, EU tan vỡ là tương lai dễ đoán định. EU vốn được xây dựng trên nền tảng một tổ chức kinh tế, khi chuyển dần sang vai trò chính trị, Liên minh này đã gặp vấn đề lớn đối với tính hợp pháp của mình. Vậy một khi liên kết kinh tế - thứ thực chất nhất gắn kết các nước thành viên với nhau – tan vỡ, tiếng nói chính trị của EU lập tức bị giảm sút.

Trước những “mô phỏng” không hề khả quan về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thời kì hậu-Euro, không quốc gia nào muốn rời khỏi EU. Tuy nhiên cũng phải đến thời hạn chót của Hội nghị Thượng đỉnh Châu Âu, đồng Euro mới được giải cứu trong gang tấc. Tuy nhiên, những khó khăn với khu vực kinh tế lớn nhất thế giới này chưa chấm dứt. Ấn sau khủng hoảng nợ công là 2 cuộc khủng hoảng khác: khủng hoảng tăng trưởng và khủng hoảng cạnh tranh. Cả 2 cuộc khủng hoảng này đều bắt nguồn từ chính sách thắt lưng buộc bụng gây ra. Thay vào tác dụng ổn định thị trường và phục hồi đà tăng trưởng, chính sách hà khắc này sẽ kéo toàn bộ nền kinh tế Châu Âu phát triển chậm lại.

Khắp EU, tình trạng của nghèo đói, bất bình đẳng và thất nghiệp lan rộng và nhanh chóng. Những quỹ được thành lập với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong khu vực trở nên vô tác dụng đối với các nước Nam Âu, bởi chính phủ các quốc gia này không vượt qua được những tiêu chuẩn để nhận số tiền do tham nhũng cao quá mức trong bộ máy chính quyền. Cũng như vậy, Quỹ Điều

⁵⁹ Do sụt giảm độ tín nhiệm, hệ thống ngân hàng đổ vỡ...

chính Toàn cầu hóa Châu Âu (EGF) được thành lập năm 2007 với mục tiêu giảm thiểu gánh nặng thất nghiệp do toàn cầu hóa gây ra, đã không chi một khoản nào trong năm 2010 cho dù tỷ lệ thất nghiệp tăng đột biến.

Tiếp theo đó là cuộc khủng hoảng cạnh tranh. Biện pháp hà khắc được thiết kế cho một hình mẫu như nước Đức và phù hợp cho nền kinh tế xuất khẩu năng lượng. Nhưng những biện pháp đó không có mấy tác dụng cho các nước khu vực Địa Trung Hải. Những cắt giảm mà EU buộc các nước Nam Âu chấp nhận không đem lại hiệu quả gì giúp nền kinh tế khôi phục, nên các nước này không có khả năng thanh toán dứt điểm những khoản nợ hay tự mình xây dựng lại nền kinh tế.

Mâu thuẫn giữa các nước thành viên

Hai năm qua, các nước thành viên trong EU đã có những nỗ lực đáng kể để khắc phục vấn đề nợ công trong ngắn hạn, nhưng các thách thức dài hạn thì vẫn còn đó: cải tổ nền kinh tế. Trong khi ai ai cũng đồng tình rằng cải tổ thể chế là cần thiết, thì câu chuyện cải tổ như thế nào lại là dấu hỏi. Có thể thấy một vài phương thức giải quyết khá rõ nét của các nhóm quốc gia. Nhóm những người theo khuynh hướng “thắt lưng buộc bụng” – đứng đầu là bà Merkel – mong muốn xây dựng một khung pháp lý chặt chẽ hơn nữa để cấm các nước thành viên khối Eurozone phung phí tiền trong tương lai. Nhóm này còn mong muốn một gói chính sách sửa đổi liên quan đến chi tiêu quốc tế, kết hợp với các ràng buộc nội bộ về chính sách tài khóa. Nhóm phản bác tư tưởng này là nhóm các nhà chính trị Pháp và một vài nước khác – mong muốn một hình thái quản lý kinh tế hoàn toàn khác ở châu Âu. Những nước này lo ngại về khả năng yếu kém của ECB trong vấn đề chống lạm phát và muốn sử dụng ECB “làm nền” để giải quyết vấn đề thất nghiệp và góp phần tạo đà tăng trưởng cho nền kinh tế. Nhóm thứ 3 chỉ bao gồm có Anh – quốc gia không nằm trong khối đồng tiền chung nhưng vẫn có tiếng nói trong các vấn đề trong nội khối. Quốc gia này ngăn chặn mọi nỗ lực thắt chặt hệ thống quản lý kinh tế, đồng thời cũng không muốn chi thêm bất cứ khoản giải cứu nào cho các quốc gia yếu hơn.

Một sự kiện đáng buồn đánh dấu sự tách biệt của nước Anh khỏi EU, đó là kết quả của Hiệp ước Ngân sách vừa qua tại Hội nghị Thượng đỉnh tháng 12/2011. Trong khi tất cả các quốc gia trong Liên minh Châu Âu đang sôi sục vì khủng hoảng nợ công và những hệ lụy khôn lường mà nó gây ra, thì Anh lại đứng ngoài cuộc – từ chối ký kết Hiệp ước Ngân sách. Đây là điểm mốc cho một thời gian dài nước Anh tỏ ra không mấy hứng thú với các vấn đề chung ở Châu Âu. Thủ tướng Anh chỉ rõ rằng “nước Anh không có lợi ích gì” trong khu vực và do đó quyết định đứng ngoài cuộc. Như đã phân tích ở trên, không phải Anh không đưa ra đề xuất gì trong việc cải thiện tình hình tài chính khu vực Châu Âu, mà thực chất những đề nghị của Thủ tướng Anh không phù hợp với tinh thần chung đó là tuân thủ các quy định tài chính chung của EU. Anh không muốn thắt chặt các cơ chế tài chính của Liên minh, bên cạnh đó còn đề xuất rằng “cần phải có một nghị định trong Hiệp ước Ngân sách cho phép nước Anh miễn trừ áp dụng một số quy định về tài chính tiền tệ”. Yêu cầu này của Anh đi ngược lại với những gì mà EU đang hướng đến – nhất thể hóa, và vi phạm vào nguyên nhân chính dẫn tới khủng hoảng nợ công – không minh bạch và không tuân thủ các quy định tài chính chung.

Khủng hoảng nợ công cũng làm rạn nứt mối quan hệ Đức và Pháp – hai nền kinh tế lớn nhất khu vực Eurozone. Đức và Pháp bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề, điển hình nhất là vấn đề Quỹ Bình ổn, vấn đề Ngân hàng Trung ương Châu Âu và vấn đề hình thành cơ chế kinh tế mới của EU.

Nhìn chung, Đức rất thận trọng trong việc giải quyết thâm hụt ngân sách của các thành viên khác, thì Pháp tỏ ra khá dễ dãi trong việc giúp đỡ các nước này thoát khỏi khủng hoảng tài chính và nợ công. Ví dụ rõ nét nhất là sự kiện Pháp mong muốn sử dụng gói cứu trợ 440 tỷ Euro do Pháp không muốn đưa ra quy chế cho cơ cấu vốn các ngân hàng của mình vì các ngân hàng này đang nắm giữ nhiều lượng trái phiếu nợ công của các quốc gia đang khủng hoảng, thì Đức khẳng định rằng những gói cứu trợ tài chính chỉ nên được sử dụng như phương án cuối cùng, khi các quốc gia không còn có khả năng kiểm soát nền

kinh tế và tài chính của mình. Thủ tướng Đức cũng nhấn mạnh Quỹ Bình ổn Tài chính Châu Âu (EFSF) chỉ nên sử dụng trong trường hợp tối hậu với rất nhiều những quy định nghiêm ngặt. Bản Hiệp ước Ngân sách cũng đánh dấu sự đồng thuận quan trọng giữa Đức và Pháp. Hai nước đã vượt qua nhiều rào cản khác biệt để thống nhất quan điểm tăng cường quyền kiểm soát của trung ương đối với ngân sách các quốc gia thành viên.

ECB cũng là vấn đề gây căng thẳng trong quan hệ song phương quan trọng bậc nhất này. Pháp muốn ECB có thêm chức năng can thiệp mạnh mẽ vào thị trường tài chính và phát hành công trái Châu Âu. Ngược lại Đức lại muốn ECB giữ tính độc lập trong chính sách tiền tệ, không biến ngân hàng này thành ngân hàng cấp tín dụng cứu nguy cho các nước gặp khó khăn. Theo quan điểm của Đức, chủ trương tăng cường vai trò can thiệp của ECB và phát hành trái phiếu chính phủ sẽ đe dọa đến những giới hạn trong việc đảm bảo sự ổn định giá cả trên thị trường, khiến đồng Euro mất giá và lạm phát tăng cao. Bà Merkel theo đuổi chính sách thắt chặt các quy định trên thị trường và cần phải có những quy định chặt chẽ đối với những quốc gia buông lỏng quản lý, không làm chủ được ngân sách. Tuy nhiên, những điều kiện hà khắc đi kèm với các gói cứu trợ do Đức đưa ra vô hình chung kìm hãm sự phát triển của các nước trong Châu Âu và làm sâu sắc hơn nữa khủng hoảng niềm tin trong khu vực.

Tuy cả hai bên đã thỏa hiệp lập chính phủ kinh tế mới trong EU nhưng thỏa hiệp đó mới chỉ dừng lại ở mức độ giấy tờ, còn thực tế hai bên chưa đi đến được những điểm chung căn bản. Trong khi ông Sarkozy mong muốn thành lập một cơ cấu kinh tế hoàn toàn mới cho EU, thì bà Merkel chỉ yêu cầu duy trì nhưng cơ cấu có sẵn.

Hiệp ước Ngân sách đánh dấu những bước tiến trong quan hệ của Đức và Pháp sau một thời gian bất đồng trong việc tìm phương thức giải quyết vấn đề nợ công và các vấn đề kinh tế tài chính khác của Eurozone. Đức và Pháp cùng bỏ qua những bất đồng để tìm tiếng nói chung cho tương lai của EU. Trong thời

kì mà khủng hoảng niềm tin lan tràn khắp Liên minh, thì sự thống nhất quan điểm giữa Đức và Pháp là dấu hiệu tốt, củng cố lòng tin của các quốc gia khác.

1.2. Vấn đề khủng hoảng sắc tộc – EU bỏ ngõ câu chuyện, để các quốc gia tự giải quyết

Như đã nói ở trên, xung đột sắc tộc là vấn đề mà EU thường “quy” trách nhiệm cho các quốc gia thành viên – coi đây là câu chuyện nội bộ mà trong quốc gia nên tự giải quyết, thay vì xây dựng một cơ chế giải quyết nó theo hình thức chung.

Nhưng thực chất, đây là vấn đề mà EU không thể tách bạch giữa việc giải quyết trong các quốc gia hay giải quyết trong phạm vi Châu Âu. Bởi lẽ, khi EU kết nạp một nước thành viên, quốc gia đó được coi là một phần của Châu Âu, nói một cách hình ảnh, quốc gia đó như một bộ phận trong một cơ thể - EU. Vì vậy, việc một nhóm người muốn li khai hay gây ra xung đột sắc tộc không phải là câu chuyện của riêng một quốc gia mà nó là vấn đề mà Châu Âu cần giải quyết, chứ không phải giữ vị trí ngoài cuộc.

Thực trạng vấn đề xung đột sắc tộc buộc EU phải đẩy nhanh quá trình tìm kiếm một cơ chế giải quyết xung đột này, trước khi những xung đột đó phát triển ở mức độ cao hơn (như trường hợp Kosovo). EU có thể có ba hướng giải quyết.

Một là, công nhận quyền tự quyết của các nhóm li khai. Đây là phương án đã có tiền lệ, khi EU công nhận tuyên bố độc lập của Kosovo. Nếu giải quyết tất cả các xung đột sắc tộc theo hướng này, số lượng các quốc gia tại Châu Âu chắc chắn sẽ tăng nhanh, bởi lẽ bất kì quốc gia Châu Âu nào cũng tồn tại những xung đột sắc tộc với các nhóm dân tộc thiểu số, hoặc giữa các nhóm lợi ích khác nhau.

Hai là, EU cương quyết không công nhận quyền tự trị của các quốc gia và có những hình thức “đàn áp” phòng trào li khai của các nhóm này. Trên thực tế, các quốc gia Châu Âu đã áp dụng biện pháp này trong nhiều năm qua, đặc biệt là Pháp và Tây Ban Nha. Tuy nhiên, điều này có phần mâu thuẫn với

những hành động công nhận độc lập của Kosovo mà EU đã đưa ra khi khủng hoảng Balkan lên đến cao trào. Do đó, EU cần rất thận trọng khi sử dụng phương án giải quyết này.

Ba là, EU có thể ủng hộ cho việc thành lập các khu tự trị hoặc các khu vực riêng cho các nhóm li khai, nhưng không đồng thuận cho các nhóm này tách ra thành quốc gia độc lập. Đây là một giải pháp trung lập nhất và có thể đem đến hiệu quả cho việc giải quyết các vấn đề xung đột sắc tộc tại các quốc gia Châu Âu. Trên thực tế, phương án này đã được kiểm chứng là đem lại hiệu quả. Thụy Sĩ là quốc gia không nằm trong EU, nhưng các quốc gia trong Châu Âu có thể xem xét cách xử lý vấn đề xung đột sắc tộc của quốc gia này. Thụy Sĩ bao gồm 25 bang và tại bang Bern tồn tại xung đột sắc tộc đối với nhóm người thiểu số nói tiếng Pháp. Nhóm người thiểu số này cũng thực hiện một số phong trào đòi độc lập với hình thức biểu tình và biểu tình có vũ trang. Sau một thời gian, chính phủ Thụy Sĩ chấp nhận hình thành một bang mới của nhóm người này mang tên bang Jura. Từ đó đến nay, những xung đột sắc tộc trong quốc gia này đã lắng xuống.

Việc giải quyết các xung đột sắc tộc trong Châu Âu không phải là đòi hỏi cấp bách của EU trong hiện tại. Tuy nhiên để hướng tới một tương lai ổn định EU cần thiết phải giải quyết tận gốc những vấn đề này, cho dù nhiệm vụ này không hề đơn giản.

2. Triển vọng giải quyết vấn đề

Các vấn đề này sẽ tiếp tục gây trở ngại cho quá trình nhất thể hóa Châu Âu nếu không được giải quyết triệt để. Các quốc gia thành viên của EU cũng mong muốn thoát ra khỏi những khó khăn chông chát để tiến đến quá trình nhất thể hóa êm đẹp hơn. Tuy nhiên, việc giải quyết những vấn đề đó không hề đơn giản, mà thực chất từ trước đến giờ, EU chưa bao giờ giải quyết triệt để một vấn đề gì. Cựu Thủ tướng Đức Gerhard Shroide từng nhận định: “Trong nền chính

trị Châu Âu cho tới nay chưa có vấn đề gì được giải quyết chót ráo và được đồng thuận hoàn toàn.”⁶⁰

Nhận định này chỉ ra rằng, những vấn đề tồn tại chòng chéo trong EU hiện nay rất khó giải quyết do những quan điểm khác nhau của các quốc gia thành viên. Những quan điểm khác biệt đó bắt nguồn từ những lợi ích trái ngược và vị trí khác nhau của các quốc gia trong liên minh. Thêm vào đó, cơ chế đồng thuận chung của Châu Âu cũng làm cản trở quá trình giải quyết các vấn đề. Một khi có 1 trong số 27 quốc gia EU không đồng tình với một quyết định nào đó, vấn đề có thể bị bỏ ngỏ hàng năm trời, thậm chí đi vào bế tắc. Do đó, để tiến tới đồng thuận chung trong EU là công việc rất khó.

Tuy nhiên, với tham vọng nhất thể hóa, các quốc gia Châu Âu cần phải vượt qua những khó khăn và giải quyết các vấn đề của mình. Trong quá khứ, EU đã gác lại những khác biệt giữa các quốc gia, những mối bất đồng để tiến tới đồng thuận. Hiệp ước Lisbon là điển hình cho nỗ lực vượt qua khó khăn của EU. Trong khi Hiến pháp Chung Châu Âu “chết yểu” ngay từ khi chỉ là bản dự thảo, thì Hiệp ước Lisbon đã thay đổi toàn bộ Châu Âu với một cơ cấu mới, gọn nhẹ hơn. Con đường để biến hiệp ước này thành hiện thực gặp rất nhiều chông gai, do các quốc gia thành viên có lợi ích và cách tiếp cận về nhất thể hóa rất khác biệt. Nhưng thành công đã đến, khi quốc gia cuối cùng – Cộng hòa Czech phê chuẩn Hiệp ước này.

Đối với các vấn đề mới xuất hiện ở EU như khủng hoảng nợ công, EU cần thiết phải phản ứng kịp thời hơn nữa và đưa ra các chính sách phù hợp với điều kiện từng quốc gia thay vì chỉ đưa ra cứu trợ cùng hàng loạt các biện pháp thắt lưng buộc bụng. Đây chỉ là các giải pháp tình thế, EU cần tiến tới một cuộc tái cơ chế lại nền kinh tế của mình để giải quyết vấn đề tận gốc. Thêm vào đó, cần thiết phải có những chính sách về kinh tế phù hợp với các quốc gia thành viên để xóa dần những chênh lệch trình độ phát triển ở mức độ tương đối, tạo ra một Châu Âu đồng đều hơn về kinh tế. Chỉ bằng cách đó, EU mới có khả năng

⁶⁰ [8;11]

nhất thể hóa sâu hơn trong tương lai. Quá trình mở rộng EU cũng nên chậm lại để thích ứng với những khác biệt văn hóa, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Qua đó có những điều chỉnh hợp lý để quá trình mở rộng không chỉ về chiều ngang địa lý mà còn về cả chiều sâu.

KẾT LUẬN

Nếu coi quá trình nhất thể hóa Châu Âu là một dòng sông, thì những quốc gia thành viên trong EU hẳn phải là những dòng suối lớn nhỏ hợp lưu trong dòng sông đó và cùng chảy theo một hướng xuôi ra biển rộng - ở đây chính là mục tiêu thống nhất Châu Âu. Dòng sông đó có thể bồi đắp những đồng bằng rộng lớn, tạo ra nền tảng cho sự sống phát triển. Nhưng không dòng sông nào chảy êm đềm mà rất nhiều thác ghềnh chờ đợi trên con đường nó chảy qua. Chênh lệch địa hình càng lớn thì dòng sông càng dữ dằn hơn. Và dòng sông không bao giờ chảy xuôi một đường thẳng ra biển lớn, mà luôn uốn khúc, quanh co.

Nhất thể hóa Châu Âu cũng như vậy. Nó là cơ hội để các quốc gia cũng chung sức xây dựng một giá trị chung, một khối thịnh vượng chung. Có thể khẳng định rằng, những thành công của nhất thể hóa có ý nghĩa to lớn không chỉ với khu vực Châu Âu mà còn với toàn thế giới. Tuy nhiên, nhất thể hóa không chỉ đơn giản là đặt ra một lộ trình với hàng loạt mục tiêu rồi thực hiện những mục tiêu đó trơn chu, mà nó phải trải qua một quá trình dài lâu, nơi các quốc gia được thử thách lòng tin qua những khó khăn, trắc trở.

Thời điểm hiện tại, được coi là một khúc quanh đầy thác ghềnh đối với “dòng sông” nhất thể hóa. *Thứ nhất*, chênh lệch trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên càng ngày càng rõ nét theo hai hướng Nam Bắc và Đông Tây. Sự chênh lệch này dẫn tới sự phân hóa giữa các quốc gia, tạo ra sự bất bình đẳng giữa những nước có nền kinh tế phát triển và những nước kém phát triển hơn. *Thứ hai*, việc xây dựng các giá trị chung của nhất thể hóa đang làm “nhòa” đi những giá trị đặc thù và quyền chủ quyền của các quốc gia. Từ đó, hình thành hai xu hướng phát triển trái ngược nhau: một là quá trình nhất thể hóa, hai là quá trình các quốc gia gìn giữ những quyền lợi và bản sắc riêng của mình; hai xu hướng phát triển đối nghịch nhau này đang gây cản trở lớn cho quá trình nhất thể hóa Châu Âu. *Thứ ba*, các vấn đề kinh tế đang làm tổn

thương nghiêm trọng tới quá trình nhất thể hóa. Không những gây chia rẽ trong nội bộ EU, cuộc khủng hoảng nợ công còn đẩy Eurozone đến bờ vực đổ vỡ, nếu các quốc gia thành viên không nỗ lực cải tổ nền kinh tế của chính mình và của EU. Và Thứ tư, vấn đề xung đột sắc tộc và chủ nghĩa ly khai vốn đã là một phần của Châu Âu, giờ đây càng trở nên nhức nhối hơn, khi trong thời gian tới EU tiếp tục kết nạp thêm thành viên mới. Những vấn đề của EU đều xuất phát do những tương tác không cân đối, bắt nguồn từ quá khứ và gia tăng trong quá trình phát triển, dẫn tới những bất ổn và thực tại Châu Âu đang lâm vào khủng hoảng nặng nề.

Quá trình nhất thể hóa của Châu Âu cũng dẫn đến những “va chạm” giữa EU và các nước lớn, đặc biệt là Nga và Mỹ. Bản chất mối quan hệ giữa Nga và EU là mối quan hệ đối đầu, nhưng trong một giai đoạn lịch sử mới, khi các biện pháp đối thoại “lên ngôi” mối quan hệ này cũng có phần lắng dịu hơn. Quan hệ hợp tác của Nga và EU được mở rộng, tuy nhiên, hai bên luôn tồn tại xung khắc trong các vấn đề từ kinh tế cho tới an ninh. Nhất là khi EU “thâm nhập” vào phạm vi ảnh hưởng truyền thống của Nga – các nước SNG. Đối với Mỹ, đồng minh chiến lược của EU, quan hệ hai bên cũng có những va chạm nhất định, khi ý chí hai bên về những vấn đề liên quan tới an ninh là khác nhau. Với tiềm lực kinh tế và chính trị của mình, EU đang tìm tiếng nói riêng, độc lập hơn, thay vì phụ thuộc quá nhiều vào Mỹ.

Đây là điểm nút lịch sử đối với EU, những vấn đề yêu cầu bức thiết cần được giải quyết triệt để, đặc biệt là các vấn đề nội tại. Tuy nhiên, những vấn đề mà EU đang gặp phải đều rất khó tháo gỡ, bởi lẽ chung đan xen và chông chéo. Câu hỏi đặt ra cho tiến trình nhất thể hóa Châu Âu hiện nay là “Tồn tại hay không tồn tại?” Các quốc gia thành viên EU đều nhận thức rõ được hậu quả trầm trọng nếu Eurozone (nhìn rộng hơn là EU) sụp đổ. Qua đó, các bên nên gác lại những lợi ích riêng để cùng chung sức giải quyết những vấn đề nóng hổi của EU nhằm tiến tới một cái đích xa hơn: Châu Âu thống nhất và ổn định.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Nguyễn Như Đền (2011), “Một số điều chỉnh cơ bản của Cộng hòa Czech hướng tới hội nhập Liên minh Châu Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 3/2011, Tr. 37-45.
2. Đặng Minh Đức (2007), “Nhập cư ở Liên minh Châu Âu: Vấn đề và Thách thức”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 8/2007, Tr.32-35.
3. Đặng Minh Đức (2004), “Tác động của mở rộng EU với thị trường lao động”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 1/2004, Tr.89-97.
4. Nguyễn Trọng Hậu (2009), “Ba Lan 5 năm sau ngày gia nhập EU: Thành tựu bước đầu và những thách thức”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 5/2009, Tr.22-33.
5. Nguyễn Nhâm (2011), “Khủng hoảng nợ công Châu Âu liệu sắp đến hồi kết?”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 7/2011, Tr. 70-75.
6. Chử Thị Nhuận (2011), “EU và vấn đề chủ quyền quốc gia của một số nước thành viên”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 4/2011, Tr. 41-48.
7. Phan Văn Rân và Nguyễn Bằng Việt (2011), “Quan hệ Nga – EU thập niên đầu thế kỷ XXI: Thành tựu và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 5/2011, Tr. 17-25.
8. Shmelov N.P. và Phedorov V.P. (2010), “Quan hệ giữa EU và Nga”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 10/2010, Tr. 3-12.
9. Đinh Công Tuấn (2011), “Khủng hoảng nợ công ở một số nước Châu Âu – Thực trạng và vấn đề”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 8/2011, Tr. 3-12.
10. Đinh Công Tuấn (2010), “Vai trò của Liên minh Châu Âu và Hiệp ước Lisbon”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 9/2010, Tr. 3-12.

11. Đinh Công Tuấn (2010), “Một số vấn đề chính trị nổi bật của Liên minh Châu Âu (EU) giai đoạn 2000-2010”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 3/2011, Tr. 3-18.
12. Nguyễn Anh Thái (2008), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
13. Ngô Tất Tố (2010), “Nhất thể hóa Châu Âu – Một hành trình gian truân chưa phải đã hoàn tất”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 4/2010, Tr. 17-23.
14. Bạch Dương, *Kosovo – Một lịch sử đầy sự kiện*, <http://vnexpress.net/gl/the-gioi/tu-lieu/2008/02/3b9ff550/> Truy cập ngày 18/02/2008.
15. Hồ Điệp, *Khủng hoảng nợ công*, <http://vov.vn/Home/Giai-quyet-no-cong-cua-EU-Kho-khan-chong-chat/20117/181025.vov> Truy cập ngày 20/7/2011
16. Minh Tâm, *Hành trình của đồng Euro sau 10 năm lưu hành*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2012/14525/Hanh-trinh-cua-dong-euro-sau-10-nam-luu-hanh.aspx> Truy cập 23/01/2012.
17. Pháp luật Việt Nam, *Viễn cảnh đồng Euro sụp đổ: “Mẹ của mọi thảm họa tài chính”*, <http://phapluatvn.vn/doi-hanh-nhan/201112/Vien-canhdong-euro-sup-do-Me-cua-moi-tham-hoa-tai-chinh-2061113/> Truy cập ngày 02/12/2011.
18. Việt Báo, *Ba nhà ga Madrid bị đồng loạt tấn công*, <http://vietbao.vn/The-gioi/3-nha-ga-Madrid-dong-loat-bi-tan-cong-it-nhat-200-nguoi-chet/20054948/159/> Truy cập 11/3/2004.
19. The VOA, *Rắc rối Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ về Armenia*, <http://www.voanews.com/vietnamese/news/europe/turkey-france-armenia-12-17-11-135799988.html> Truy cập ngày 17/12/2012.

Tài liệu tham khảo tiếng Anh

20. Blake R. and Louis Wm. R.(1993), *Churchill: a Major New Assessment of His Life in Peace and War*, W.W. Norton & Co. Inc, New York.
21. Blanchflower D., *The Impact of the Recent Migration from Eastern Europe on the UK Economy*, Proceedings of the Cambridgeshire Chamber of Commerce, January 4th, 2007, Tr.3-6.
22. Dedman J. (2010), *The Origins and Development of the European Union: a History of European Intergration*, Routledge, New York.
23. The European Commission (2002), *The Enlargement Process and the three pre-accession instruments: Phare, ISPA, SAPARD*.
24. The European Commission, *Standard Eurobarometer 71 (fieldwork June-July 2009)*.
25. Sitter N. (2005), *The Politics of Opposition and European Integration: A Comparative Politics Perspective on Euroscepticism*, Published report, Norwegian School of Management, Oslo.
26. Taylor P. G. (2008), *The End of European Integration: Anti-Europeanism Examined*, Routledge, New York.
27. Turton D. and Gonzalez J.(1999), *Cultural Identities and Ethnic Minorities in Europe*, Universidad de Deusto, Bilbao.
28. The White House (1999), *A Nation Security Strategy for a New Century*, National Security Council, Tr.37
29. The Economist, *NATO's Future: Predictions of Its Death Were Premature*,
http://www.economist.com/world/displaystory.cfm?story_id=8317424
 Truy cập ngày 23/11/2006.
30. The European Unity, *History of an Idea*,
<http://www.economist.com/node/2313040> Truy cập ngày 30/12/2003.
31. The Eurostat, *GDP at Current Market Prices, 2000, 2009 and 2010*,
http://epp.eurostat.ec.europa.eu/statistics_explained/index.php?title=File:

- [GDP at current market prices, 2000, 2009 and 2010.png&filetimestamp=20120110102308](#) Truy cập ngày 10/01/2012.
32. The Eurostat, *Harmonized Unemployment Rate by Sex*,
<http://epp.eurostat.ec.europa.eu/tgm/table.do?tab=table&language=en&code=teilm020&tableSelection=1&plugin=1> Truy cập ngày 04/02/2012.
33. The Eurostat, *Real GDP Grow Rate*,
<http://epp.eurostat.ec.europa.eu/tgm/table.do?tab=table&plugin=1&language=en&pcode=tsieb020> Truy cập ngày 04/02/2012.
34. The European Commission, *Budget 2011 in Figures*,
http://ec.europa.eu/budget/figures/2011/2011_en.cfm Truy cập ngày 15/12/2010.
35. Falletty S., *Economics Giant and Political Dwarf*,
<http://www.europolitics.info/dossiers/eu-asia-relations/economic-giant-political-dwarf-art248119-99.html> Truy cập ngày 30/4/2006.
36. Farrell H., *Amore Perfect Union*,
<http://www.democracyjournal.org/18/6773.php?page=all> Truy cập ngày 18/10/2010.
37. Gaffney C., *EU Pushes for a More Perfect Fiscal Union*,
<http://dailyreckoning.com/eu-pushes-for-a-more-perfect-fiscal-union/>
Truy cập ngày 28/5/2007.
38. Hunziker W., *The European Union and the Minority Problems*,
http://newropeans-magazine.org/index.php?option=com_content&task=view&id=3958&Itemid=86 Truy cập ngày 10/5/2006.
39. Lichfield J., *The Bonaparte Legacy: The Victory France forgot*,
<http://www.independent.co.uk/news/world/europe/the-bonaparte-legacy-the-victory-france-forgot-517646.html> Truy cập ngày 01/12/2005.
40. Moravcsik A., *Despotism in Brussels? Misreading the European Union*,
<http://www.foreignaffairs.com/articles/57040/andrew->

[moravcsik/despotism-in-brussels-misreading-the-european-union?page=2](http://www.foreignaffairs.com/articles/136694/moravcsik/despotism-in-brussels-misreading-the-european-union?page=2)

Truy cập 14/4/2012.

41. Schmidt V.A., *Saving the Euro Will Mean Worse Trouble for Europe*,
<http://www.foreignaffairs.com/articles/136694/vivien-a-schmidt/saving-the-euro-will-mean-worse-trouble-for-europe> Truy cập ngày 28/11/2011.